

Số: 59/2007/QĐ-BGDĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2007

QUYẾT ĐỊNH

**BAN HÀNH QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ CỦA
BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

*Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của bộ, cơ quan ngang bộ;
Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;
Căn cứ Quyết định số 10/2007/QĐ-BKH-CN ngày 11 tháng 5 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành “Quy định tuyển chọn, xét chọn tổ chức và cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp Nhà nước”;
Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học – Công nghệ,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Quyết định này thay thế Quyết định số 2149/GD-ĐT ngày 27/7/1994 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định về việc thực hiện dự án sản xuất thử - thử nghiệm.

Điều 3. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học – Công nghệ, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc các đại học, học viện; Hiệu trưởng các trường đại học, cao đẳng và Thủ trưởng các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Nhung

QUY ĐỊNH

VỀ QUẢN LÝ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

(ban hành kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào Tạo)

Chương 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo bao gồm: xác định, xét chọn và ký hợp đồng thực hiện dự án; đánh giá nghiệm thu dự án và thanh lý hợp đồng; nhiệm vụ, quyền hạn của chủ nhiệm dự án, cơ quan chủ trì và quản lý dự án; khen thưởng và xử lý vi phạm.

2. Quy định này áp dụng cho các đại học, học viện, các trường đại học và cao đẳng, các viện và trung tâm nghiên cứu khoa học, các doanh nghiệp, các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi chung là đơn vị) có dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ được hỗ trợ kinh phí từ nguồn ngân sách Nhà nước dành cho hoạt động khoa học và công nghệ.

Điều 2. Dự án sản xuất thử nghiệm

Dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi là dự án) là hoạt động triển khai thực nghiệm các kết quả nghiên cứu để sản xuất thử ở quy mô nhỏ nhằm hoàn thiện công nghệ mới, sản phẩm mới trước khi đưa vào sản xuất đại trà phục vụ phát triển kinh tế xã hội.

Điều 3. Mục tiêu của dự án

1. Ứng dụng kết quả nghiên cứu, các kỹ thuật tiên bộ để hoàn thiện quy trình công nghệ hoặc sản phẩm mới có chất lượng và tính cạnh tranh cao đem lại hiệu quả kinh tế - xã hội, tạo thêm việc làm, kích thích các ngành nghề phát triển; tiết kiệm và tận dụng nguồn tài nguyên và nhân lực trong nước; phát triển mặt hàng xuất khẩu hoặc thay thế nhập khẩu; bảo vệ môi trường.

2. Góp phần đưa nhanh các kết quả nghiên cứu vào sản xuất, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học và cao đẳng.

Điều 4. Điều kiện đề xuất dự án

1. Dự án phải xuất phát từ một trong các nguồn sau:

- a) Kết quả của các đề tài hoặc hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ các cấp đã được đánh giá nghiệm thu và được hội đồng kiến nghị đưa vào áp dụng trong thực tiễn;
- b) Sản phẩm khoa học được giải thưởng hội thi sáng tạo; kiểu dáng công nghiệp; được cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích; giống con, giống cây được công nhận cho sản xuất thử;
- c) Kết quả khoa học và công nghệ từ nước ngoài lần đầu tiên được chuyển giao vào Việt Nam đã được các tổ chức có thẩm quyền thẩm định và công nhận.

2. Có thị trường tiêu thụ sản phẩm của dự án, có khả năng thu hồi vốn đầu tư.

3. Kinh phí thực hiện dự án: các cơ quan chủ trì dự án chịu trách nhiệm từ 60% đến 70% tổng kinh phí thực hiện dự án, ngân sách nhà nước hỗ trợ từ 30% đến 40% tổng kinh phí thực hiện dự án (không kể trang thiết bị và nhà xưởng đã có), trong đó ưu tiên hỗ trợ chi phí để hoàn thiện công nghệ và sản xuất thử sản phẩm.

Mức kinh phí thu hồi theo quy định hiện hành và được quy định tại hợp đồng.

4. Thời gian thực hiện dự án từ 24 tháng đến 36 tháng. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định những trường hợp thời gian thực hiện dự án kéo dài hơn so với quy định.

Điều 5. Tiêu chuẩn chủ nhiệm dự án

1. Có trình độ đại học trở lên, có chuyên môn phù hợp và đã có kết quả nghiên cứu liên quan đến nội dung của dự án.
2. Có khả năng tổ chức thực hiện dự án.
3. Tại thời điểm xét duyệt dự án không là chủ nhiệm dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc chủ nhiệm các nhiệm vụ cấp Nhà nước.
4. Không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều 27 của Quy định về quản lý đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành kèm theo Quyết định số 24/2005/QĐ-BGD&ĐT ngày 02 tháng 8 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo và tại khoản 1 Điều 31 của Quy định này.
5. Đối với giảng viên, số giờ giảng dạy không vượt quá định mức giờ giảng đối với một giảng viên do thủ trưởng cơ quan chủ trì dự án quy định.

Điều 6. Quản lý tài chính

1. Kinh phí hỗ trợ dự án được ngân sách nhà nước cấp trong dự toán do Bộ Giáo dục và Đào tạo giao cho cơ quan chủ trì dự án thực hiện theo tiến độ ghi trong hợp đồng. Việc thu hồi kinh phí theo hợp đồng được thực hiện sau 6 tháng kể từ khi dự án kết thúc và hoàn trả vào ngân sách nhà nước toàn bộ số kinh phí thu hồi trong thời hạn không quá 12 tháng kể từ khi dự án kết thúc.

2. Quản lý tài chính đối với các dự án được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 85/2004/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20 tháng 8 năm 2004 của Liên tịch Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và công nghệ về hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án khoa học và công nghệ được ngân sách nhà nước hỗ trợ và có thu hồi kinh phí

3. Kinh phí hoạt động của hội đồng tư vấn xác định danh mục dự án, hội đồng xét chọn dự án và hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp bộ do Vụ Khoa học – Công nghệ chủ trì được chi từ kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ của Bộ Giáo dục và Đào tạo được ghi trong dự toán chi ngân sách nhà nước cấp hàng năm.

4. Kinh phí hoạt động của hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp cơ sở dự án được chi trong kinh phí thực hiện dự án do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

5. Chế độ chi cho hoạt động của các hội đồng theo quy định tại Thông tư liên tịch của Liên tịch Bộ Tài chính – Bộ Khoa học và Công nghệ số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN ngày 04 tháng 10 năm 2006 hướng dẫn chế độ khoán kinh phí của đề tài, dự án khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 44/2007/TTLT-BTC-BKHCN ngày 07 tháng 5 năm 2007 hướng dẫn định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Chương 2

XÁC ĐỊNH, XÉT CHỌN VÀ KÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN DỰ ÁN

Điều 7. Xác định danh mục dự án

1. Căn cứ kế hoạch hoạt động khoa học và công nghệ, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước, bộ, ngành và địa phương; căn cứ các kết quả nghiên cứu đã đạt được và nhu cầu của các doanh nghiệp, Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn cho các đơn vị và các cá nhân lập phiếu đề xuất dự án (Mẫu 1 Phụ lục I).

2. Căn cứ quy định tại Điều 4 của Quy định này, đơn vị xem xét lựa chọn các dự án do cá nhân đề xuất, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên và đưa vào danh mục các dự án theo biểu mẫu quy định tại văn bản hướng dẫn lập kế hoạch khoa học và công nghệ hàng năm, kèm theo Phiếu đề xuất dự án gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thời gian đề xuất danh mục dự án được hoàn thành trước ngày 30 tháng 3 hàng năm.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo tổng hợp danh mục dự kiến dự án trên cơ sở đề xuất của các đơn vị. Danh mục dự kiến các dự án được hoàn thành trước ngày 15 tháng 4 hàng năm; thành lập các Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xác định danh mục dự án cấp bộ. Danh mục dự án được hoàn thành trước ngày 15 tháng 5 hàng năm; thông báo danh mục dự án cấp Bộ đã được Hội đồng tư vấn xác định để các tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ xét chọn dự án.

Điều 8. Tiêu chí xác định danh mục dự án

1. Yêu cầu về công nghệ:

a) Thể hiện khả năng ổn định và tin cậy của công nghệ; có khả năng thay thế công nghệ nhập khẩu từ nước ngoài; chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật thể hiện có hiệu quả kinh tế; đảm bảo an toàn sức khỏe và môi trường;

b) Thể hiện tính mới, tiên tiến so với công nghệ đang có ở Việt Nam;

c) Góp phần nâng cao trình độ công nghệ của ngành, lĩnh vực sản xuất khi được ứng dụng rộng rãi.

2. Khả năng về thị trường: các ngành kinh tế - xã hội có nhu cầu đối với sản phẩm của dự án; sản phẩm của dự án có khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá cả với sản phẩm cùng loại trên thị trường; thay thế sản phẩm nhập khẩu từ nước ngoài; có khả năng xuất khẩu.

3. Hiệu quả kinh tế xã hội: sản phẩm của dự án có tác động tích cực đến sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước (tạo ngành nghề mới, thêm việc làm và thêm thu nhập cho cộng đồng); không gây ảnh hưởng xấu tới sức khỏe con người và môi trường sinh thái.

4. Tính khả thi:

a) Phù hợp với năng lực khoa học và công nghệ trong nước về trình độ cán bộ khoa học và công nghệ, trang thiết bị, nhà xưởng và thời gian thực hiện;

b) Có khả năng huy động nguồn lực từ các nguồn khác nhau đáp ứng nhu cầu thực hiện dự án; có khả năng liên kết với các cơ sở sản xuất, tổ chức khoa học và công nghệ để thực hiện dự án;

c) Có thị trường tiêu thụ sản phẩm (có phương án liên kết tiêu thụ, chuyên giao, thương mại hóa các sản phẩm của dự án).

Điều 9. Xét chọn cấp bộ

1. Trên cơ sở danh mục dự án đã được xác định, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xét chọn và tổ chức hội đồng để xét chọn dự án. Mỗi hội đồng chỉ thực hiện tư vấn một dự án.

2. Hồ sơ dự án đưa ra xét chọn bao gồm:

a) Công văn đề nghị của cơ quan chủ trì dự án;

b) Bản thuyết minh dự án (Mẫu 2 Phụ lục I);

c) Tóm tắt lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án (Mẫu 3 Phụ lục I);

d) Các văn bản liên quan đến cơ sở thiết lập dự án (biên bản nghiệm thu đề tài, hợp đồng...); căn cứ tiêu thụ sản phẩm sản xuất thử của dự án (hợp đồng mua bán sản phẩm, chuyên giao công nghệ...); văn bản cam kết và giải trình khả năng huy động vốn từ nguồn khác đối với dự án; văn

bản xác nhận về sự đồng ý của tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện (Mẫu 4 Phụ lục I) và các văn bản khác có liên quan đến dự án.

Hồ sơ dự án được làm thành 15 bản trong đó có 01 bản chính và 14 bản photôcopy.

Các tổ chức, cá nhân hoàn thiện hồ sơ xét chọn dự án và gửi đến Bộ Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30 tháng 5 hàng năm.

3. Mỗi cá nhân chỉ được đăng ký chủ trì thực hiện 01 dự án.

4. Bộ Giáo dục và Đào tạo không xét chọn dự án được đề xuất bởi các đơn vị, cá nhân chưa hoàn thành việc quyết toán, nghiệm thu và hoàn trả kinh phí thu hồi của các dự án hoặc đề tài nghiên cứu khoa học đã quá thời hạn kết thúc.

5. Thời gian xét chọn từ ngày 30 tháng 5 đến ngày 15/7 hàng năm.

Điều 10. Nội dung xét chọn dự án

Hội đồng tư vấn xét chọn dự án xem xét đánh giá hồ sơ cụ thể của từng dự án, theo các nội dung và tiêu chí cơ bản sau đây:

1. Xác định rõ được mục tiêu, tính cấp thiết của dự án.

2. Thể hiện được mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ so với công nghệ xuất xứ; trình độ công nghệ chủ yếu (các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật), mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh, môi trường...) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước, tính hợp lý của quy mô dự án được nêu trong các mục 12.1, 14.1, 14.2, 15.1 và 15.2, 17 của thuyết minh dự án.

3. Tính khả thi của phương án tổ chức thực hiện dự án; khả năng hợp tác, liên kết giữa cơ quan chủ trì và doanh nghiệp; tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính, khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi được nêu trong mục 15 của thuyết minh dự án.

4. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện dự án so với kết quả dự kiến tạo ra; tính khả thi của phương án huy động vốn ngoài ngân sách sự nghiệp để thực hiện dự án; mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện dự án; lợi ích trực tiếp (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ...) dự kiến dự án sẽ mang lại được nêu trong các mục 16.2, 12.2 và 12.3 của thuyết minh dự án.

5. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của dự án; Tính cụ thể khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án; khả năng cạnh tranh công nghệ và sản phẩm (giá thành, chất lượng...); khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả dự án, tự tổ chức sản xuất kinh doanh, thành lập doanh nghiệp khoa học công nghệ được nêu trong các mục 12.5 và 15.3 của thuyết minh dự án.

6. Năng lực, uy tín về nghiên cứu, kinh nghiệm, năng lực tổ chức quản lý của chủ nhiệm dự án; năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia); điều kiện, năng lực của đơn vị chủ trì dự án và các tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực, ...); đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của thuyết minh dự án được nêu trong mục 12.4, 15 và phần III của thuyết minh dự án và bản lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án.

Điều 11. Hội đồng khoa học và công nghệ tư vấn xét chọn dự án

1. Hội đồng có từ 7 đến 9 thành viên, gồm có chủ tịch, thư ký, 2 phản biện và các ủy viên khác. Thành viên hội đồng gồm 1/3 là người đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan hoạch định chính sách, tổ chức dự kiến thụ hưởng kết quả của dự án; 2/3 là chuyên gia có uy tín, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học được giao tư vấn và chuyên gia am hiểu sâu về lĩnh vực quản lý tài chính. Những người tham gia thực hiện dự án không tham gia hội đồng.

Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức các phiên họp hội đồng xét chọn từng dự án và cử thư ký hành chính giúp việc các hội đồng.

2. Các thành viên hội đồng thực hiện đánh giá một cách trung thực, khách quan và công bằng, chịu trách nhiệm cá nhân về kết quả đánh giá của mình và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng. Các chuyên gia phản biện, các thành viên hội đồng và các thư ký hội đồng có trách nhiệm giữ bí mật về các thông tin liên quan đến quá trình đánh giá xét chọn.

3. Hội đồng chỉ họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó ít nhất 1 phản biện có mặt và có đầy đủ ý kiến bằng văn bản của 2 phản biện, Chủ tịch hội đồng trực tiếp chủ trì phiên họp. Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có ý nghĩa tham khảo. Thư ký khoa học ghi chép các ý kiến về chuyên môn của các thành viên và các kết luận của hội đồng trong biên bản và các văn bản có liên quan của hội đồng. Các thành viên hội đồng chấm điểm độc lập theo các nhóm chỉ tiêu đánh giá và thang điểm quy định. Trước khi chấm điểm hội đồng thảo luận chung để thống nhất quan điểm, phương thức cho điểm với từng tiêu chí.

Điều 12. Trình tự làm việc của hội đồng

1. Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự. Đại diện Bộ Giáo dục và Đào tạo nêu những yêu cầu và nội dung chủ yếu về việc xét chọn dự án của quy định này.

2. Chủ tịch hội đồng điều khiển cuộc họp.

3. Chủ nhiệm dự án trình bày tóm tắt mục tiêu, nội dung, kết quả, phương án huy động vốn và tiêu thụ, chuyển giao sản phẩm của dự án.

4. Hai phản biện trình bày ý kiến về nhận xét đánh giá hồ sơ dự án (Mẫu 6 Phụ lục I). Hội đồng có thể nêu câu hỏi đối với chuyên gia phản biện về từng tiêu chí đánh giá dự án.

5. Thư ký khoa học đọc ý kiến nhận xét bằng văn bản của thành viên vắng mặt (nếu có) để hội đồng nghiên cứu, tham khảo.

6. Hội đồng nêu câu hỏi đối với chủ nhiệm dự án và trao đổi thảo luận theo các tiêu chí đánh giá đã được quy định. Sau khi trao đổi, các thành viên của hội đồng cho điểm độc lập theo các tiêu chí và thang điểm quy định tại các biểu mẫu.

7. Hội đồng thảo luận để thống nhất kiến nghị những điểm bổ sung cần thiết đối với từng phần nêu trong thuyết minh dự án, các sản phẩm chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt và kiến nghị về kinh phí cho việc thực hiện dự án hoặc nêu những điểm cần lưu ý để hoàn thiện hồ sơ dự án. Hội đồng xây dựng biên bản gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 13. Phê duyệt và ký kết hợp đồng thực hiện dự án

1. Trên cơ sở kết quả tư vấn của hội đồng khoa học và công nghệ xét chọn dự án, Bộ Giáo dục và Đào tạo thông báo kết quả xét chọn đến cơ quan chủ trì dự án. Cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án được xét chọn có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ dự án theo kiến nghị của hội đồng xét chọn và gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo (mỗi dự án 7 bản). Trong trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể kiểm tra thực tế cơ sở vật chất – kỹ thuật, nhân lực và năng lực tài chính của đơn vị chủ trì dự án.

2. Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt thuyết minh dự án, thời gian thực hiện dự án, tổng kinh phí hỗ trợ, tỷ lệ thu hồi và ký kết hợp đồng triển khai thực hiện dự án (sau đây gọi là hợp đồng) với cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án (Mẫu 8 Phụ lục I). Hợp đồng được hoàn thành trước ngày 15 tháng 7 hàng năm.

3. Cơ quan chủ trì dự án thông báo danh mục dự án cấp Bộ đã được phê duyệt trên trang thông tin điện tử hoặc phương tiện thông tin đại chúng khác của đơn vị chủ trì dự án. Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố danh mục dự án cấp Bộ đã được phê duyệt trên trang thông tin điện tử của Bộ.

Điều 14. Kiểm tra dự án

Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức kiểm tra định kỳ về nội dung, tiến độ, tình hình thực hiện, sử dụng kinh phí của dự án và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, tình hình và khả năng nộp kinh phí thu hồi, kiến nghị về việc đánh giá nghiệm thu, thanh lý hợp đồng thực hiện dự án.

Chương 3

ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU KẾT QUẢ DỰ ÁN VÀ THANH LÝ HỢP ĐỒNG

Điều 15. Tổ chức đánh giá nghiệm thu kết quả dự án

1. Dự án khi kết thúc phải được đánh giá nghiệm thu ở hai cấp: cấp cơ sở và cấp Bộ,

a) Đánh giá cấp cơ sở để cơ quan chủ trì xem xét các điều kiện đánh giá nghiệm thu cấp Bộ;

b) Đánh giá nghiệm thu cấp Bộ là bước đánh giá toàn diện việc thực hiện dự án so với hợp đồng và thuyết minh dự án đã được duyệt.

2. Chủ nhiệm dự án và những người tham gia thực hiện dự án không tham gia hội đồng đánh giá nghiệm thu các cấp.

Điều 16. tổ chức đánh giá cấp cơ sở

1. Khi dự án hết hạn triển khai theo nội dung của hợp đồng, chủ nhiệm dự án nộp hồ sơ báo cáo tổng kết cho cơ quan chủ trì (phòng (ban) khoa học và công nghệ).

Hồ sơ báo cáo tổng kết cấp cơ sở gồm:

a) Báo cáo tổng kết, tóm tắt dự án (Phụ lục II);

b) Các sản phẩm, tài liệu liên quan;

c) Báo cáo quyết toán phần kinh phí thực hiện trong đó có phần do ngân sách nhà nước hỗ trợ (Mẫu 11 Phụ lục I).

2. Sau 15 ngày làm việc, kể từ khi nhận được hồ sơ báo cáo tổng kết, cơ quan chủ trì căn cứ vào các điều, khoản ghi trong hợp đồng ra quyết định thành lập hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá dự án cấp cơ sở và tổ chức đánh giá cấp cơ sở (Mẫu 13, 14 Phụ lục I). Số thành viên hội đồng, hình thức tổ chức và chương trình họp hội đồng do thủ trưởng cơ quan chủ trì dự án quyết định. Hội đồng không ít hơn 7 thành viên.

3. Hội đồng đánh giá cấp cơ sở có trách nhiệm tư vấn cho thủ trưởng cơ quan chủ trì dự án nhận định về kết quả của dự án đã được thực hiện theo hợp đồng và quyết định chuyển hồ sơ đánh giá kết quả dự án đến Bộ Giáo dục và Đào tạo để đánh giá nghiệm thu ở cấp bộ.

4. Việc đánh giá cấp cơ sở phải được hoàn thành trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc hợp đồng.

Điều 17. Đánh giá xếp loại cấp cơ sở

1. Đối với các dự án nộp hồ sơ đánh giá cấp cơ sở trong thời hạn 6 tháng kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng là dự án nộp hồ sơ đánh giá đúng hạn: Hội đồng đánh giá cấp cơ sở tiến hành đánh giá theo quy định tại khoản 2 điều này.

Đối với các dự án nộp hồ sơ đánh giá cấp cơ sở chậm so với thời điểm kết thúc hợp đồng từ 6 tháng trở lên mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Giáo dục và Đào tạo là dự án nộp hồ sơ đánh giá không đúng hạn: Hội đồng đánh giá cấp cơ sở đánh giá theo quy định tại khoản 3 điều này.

2. Đối với các dự án nộp hồ sơ đánh giá đúng hạn, Hội đồng đánh giá cấp cơ sở xếp loại dự án theo 2 mức sau: “Đạt” hoặc “Không đạt”.

Dự án được đánh giá ở mức “Đạt” là dự án được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt bỏ phiếu đánh giá “Đạt”.

Dự án được đánh giá ở mức “Không đạt” nếu vi phạm một trong các trường hợp sau:

- a) Chưa đạt hoặc không đạt được khối lượng công việc cơ bản và các chỉ tiêu chủ yếu so với hợp đồng;
- b) Kết quả của dự án không có giá trị khoa học hoặc không có giá trị ứng dụng;
- c) Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực;
- d) Phạm vi nghiêm trọng các nguyên tắc quản lý tài chính đối với kinh phí hỗ trợ dự án (có kết luận bằng văn bản của các đoàn thanh tra, kiểm tra có thẩm quyền);
- đ) Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung dự án và thay đổi thiết kế, kế hoạch thực hiện.

3. Đối với các dự án nộp hồ sơ đánh giá không đúng hạn, Hội đồng đánh giá cấp cơ sở xếp loại dự án theo 2 nội dung:

- a) Về tổ chức thực hiện ở mức “Không đạt”;
- b) Về nội dung khoa học và công nghệ ở mức “Đạt” hoặc “Không đạt” theo quy định ở khoản 2 điều này.

Điều 18. Xử lý kết quả đánh giá cấp cơ sở

1. Đối với các dự án được đánh giá ở mức “Đạt”, chủ nhiệm dự án hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến của hội đồng. Cơ quan chủ trì dự án nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu cấp Bộ cho Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ gồm:

- a) Công văn của cơ quan chủ trì dự án đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ, trong đó có giới thiệu danh sách thành viên hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ;
- b) Báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt của dự án;
- c) Báo cáo quyết toán tài chính của dự án;
- d) Tóm tắt kết quả của dự án (Mẫu 12 Phụ lục I);
- đ) Quyết định thành lập và biên bản họp hội đồng đánh giá cấp cơ sở.

2. Đối với dự án được đánh giá ở mức “Không đạt”, cơ quan chủ trì và chủ nhiệm dự án phải có văn bản giải trình chi tiết, đặc biệt là kinh phí cấp từ ngân sách nhà nước cho dự án để Bộ Giáo

dục và Đào tạo xem xét. Các mục chi sai, chi không đúng nguyên tắc sẽ phải bồi hoàn theo quy định tài chính hiện hành.

Điều 19. Đánh giá nghiệm thu cấp Bộ

Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ đối với dự án được hội đồng cấp cơ sở đánh giá ở mức “Đạt” (trường hợp dự án nộp hồ sơ đánh giá đúng hạn) hoặc “Đạt” về nội dung khoa học và công nghệ (trường hợp dự án nộp hồ sơ đánh giá không đúng hạn).

Trong trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo thành lập tổ tư vấn kiểm tra thực tế kết quả thực hiện dự án.

Điều 20. Nội dung đánh giá nghiệm thu cấp Bộ

Căn cứ hợp đồng và thuyết minh của dự án, nội dung đánh giá gồm:

1. Mức độ đáp ứng đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm của dự án; phương pháp triển khai dự án, báo cáo tổng kết, tài liệu công nghệ theo hợp đồng thực hiện dự án.
2. Giá trị khoa học của các kết quả khoa học công nghệ của dự án (tính mới, tính sáng tạo, những đóng góp cụ thể của kết quả dự án).
3. Giá trị ứng dụng mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả khoa học và công nghệ; chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của sản phẩm cao hơn sản phẩm tương tự, quy mô áp dụng kết quả của dự án đã chứng minh được hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội của dự án và triển vọng áp dụng; đã được cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích; hiệu quả kinh tế - xã hội (sản phẩm đã được đưa vào sản xuất hoặc được chuyển giao công nghệ bằng các hợp đồng kinh tế, tạo doanh thu ít nhất gấp 2 lần, hoặc tạo ra nhiều lợi nhuận...).
4. Đánh giá về tổ chức quản lý, huy động vốn, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của dự án.

Điều 21. Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ

1. Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ra quyết định thành lập. Hội đồng có từ 7 đến 11 thành viên, trong đó 2/3 số thành viên là các nhà khoa học hoạt động trong lĩnh vực của dự án; ít nhất 1/3 số thành viên hội đồng là đại diện cho cơ quan quản lý nhà nước và đại diện cơ sở ứng dụng, chuyển giao kết quả dự án tham gia hội đồng. Tối thiểu phải có 1/2 số thành viên hội đồng là cán bộ ngoài cơ quan chủ trì dự án.

2. Hội đồng có chủ tịch, thư ký, 2 ủy viên phản biện và các ủy viên khác; trong đó ít nhất có 1 phản biện là người ngoài cơ quan chủ trì.

3. Thành viên hội đồng phải là các chuyên gia có uy tín, trung thực, có trình độ chuyên môn phù hợp và am hiểu lĩnh vực của dự án. Thành viên hội đồng chịu trách nhiệm trước Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về kết quả đánh giá nghiệm thu dự án.

Điều 22. Tổ chức đánh giá nghiệm thu cấp Bộ

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì tổ chức các phiên họp hội đồng đánh giá nghiệm thu từng dự án và cử thư ký hành chính giúp việc hội đồng.

2. Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ phải được tổ chức họp trong thời gian 45 ngày, kể từ ngày có quyết định thành lập hội đồng.

3. Hội đồng chỉ tiến hành họp khi có mặt từ 2/3 số thành viên trở lên, có bản nhận xét của 2 phản biện, ít nhất 1 phản biện có mặt.

4. Chương trình họp hội đồng gồm:

a) Thư ký hành chính đọc quyết định thành lập hội đồng, giới thiệu thành phần hội đồng và các đại biểu tham dự;

b) Chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp của hội đồng

- Chủ nhiệm dự án báo cáo kết quả thực hiện dự án;

- Tổ tư vấn đọc báo cáo kiểm tra (nếu có);

- Các phản biện đọc nhận xét (Mẫu 16 Phụ lục I) và nêu câu hỏi;

- Các thành viên hội đồng và những người tham dự phát biểu ý kiến và nêu câu hỏi;

- Chủ nhiệm dự án trả lời câu hỏi;

- Trao đổi chung;

- Hội đồng họp riêng để đánh giá, bỏ phiếu (Mẫu 15 Phụ lục I) và thống nhất kết luận. Thư ký hội đồng ghi biên bản (Mẫu 17 Phụ lục I);

- Chủ tịch hội đồng công bố biên bản đánh giá nghiệm thu dự án.

5. Cơ quan chủ trì dự án thông báo rộng rãi và tạo điều kiện cho những người quan tâm đến tham dự cuộc họp của hội đồng đánh giá nghiệm thu.

Điều 23. Thanh lý họp đồng

Hợp đồng chỉ được thanh lý sau khi dự án đã được đánh giá nghiệm thu cấp Bộ, cơ quan chủ trì dự án đã nộp đủ kinh phí thu hồi và quyết toán toàn bộ số kinh phí hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho dự án (Mẫu 18 Phụ lục I).

Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức thanh lý hợp đồng.

Điều 24. Ghi nhận kết quả đánh giá dự án

1. Đối với các dự án được đánh giá ở mức “Đạt” (trường hợp dự án nộp hồ sơ đánh giá đúng hạn) hoặc “Đạt” về nội dung khoa học và công nghệ (trường hợp dự án nộp hồ sơ đánh giá không đúng hạn), cơ quan chủ trì dự án hoàn thiện hồ sơ dự án nộp cho Bộ Giáo dục và Đào tạo. Hồ sơ dự án gồm:

- a) Báo cáo tổng kết dự án đã sửa chữa, bổ sung theo ý kiến của hội đồng;
- b) Giấy xác nhận của hội đồng về các nội dung đã chỉnh sửa;
- c) Biên bản họp hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ và các bản nhận xét của phản biện;
- d) Giấy xác nhận của cơ quan chủ trì dự án đã quyết toán và nộp kinh phí thu hồi của dự án;
- đ) Biên bản thanh lý hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Trong thời hạn 30 ngày, kể từ khi nhận được hồ sơ dự án hoàn thiện, Bộ Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hoàn thành việc xem xét và ghi nhận kết quả đánh giá dự án. Trường hợp cần thiết, Bộ Giáo dục và Đào tạo có thể tham khảo ý kiến của các chuyên gia để có thêm căn cứ ghi nhận kết quả đánh giá dự án, bảo đảm khách quan, chính xác, theo quy định của pháp luật.

2. Trong các trường hợp kết quả dự án đã được hội đồng các cấp đánh giá và kết luận ở mức “không đạt”, Bộ Giáo dục và Đào tạo căn cứ kết luận của hội đồng để xem xét và xử lý theo quy định tại Điều 31 của Quy định này.

3. Sau khi có quyết định ghi nhận kết quả đánh giá dự án, cơ quan chủ trì dự án công bố kết quả thực hiện dự án trên trang thông tin điện tử của cơ quan chủ trì dự án. Cơ quan chủ trì dự án và chủ nhiệm dự án có trách nhiệm nộp báo cáo kết quả dự án cho Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định hiện hành.

Điều 25. Xử lý tài sản

Tài sản của dự án được hình thành từ ngân sách nhà nước khi dự án kết thúc được thực hiện theo quy định hiện hành.

Chương 4

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA CHỦ NHIỆM DỰ ÁN, CƠ QUAN CHỦ TRÌ VÀ QUẢN LÝ DỰ ÁN

Điều 26. Nhiệm vụ của chủ nhiệm dự án

1. Xây dựng và hoàn thiện thuyết minh dự án
2. Cùng với cơ quan chủ trì ký hợp đồng triển khai thực hiện dự án với các Bộ Giáo dục và Đào tạo.
3. Tổ chức thực hiện các nội dung theo tiến độ được giao trong hợp đồng và thuyết minh dự án; chấp hành các yêu cầu kiểm tra việc thực hiện của cơ quan chủ trì dự án và cơ quan chủ quản.
4. Định kỳ báo cáo tình hình triển khai thực hiện dự án (Mẫu 9 Phụ lục I). Viết báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt dự án.
5. Thanh, quyết toán kinh phí của dự án theo đúng quy định tài chính hiện hành với cơ quan chủ trì dự án và nộp kinh phí thu hồi theo quy định hiện hành. Tài sản cố định nếu được mua sắm hoặc cấp bằng hiện vật từ nguồn kinh phí ngân sách nhà nước của dự án, sau khi kết thúc được xử lý theo quy định hiện hành.
6. Trực tiếp báo cáo trước hội đồng đánh giá nghiệm thu dự án cấp cơ sở và cấp Bộ về kết quả thực hiện dự án.
7. Hoàn thiện báo cáo tổng kết dự án và nộp kinh phí thu hồi trước khi làm thủ tục thanh lý hợp đồng.

Điều 27. Quyền hạn của chủ nhiệm dự án

1. Kiến nghị với cơ quan chủ trì dự án tạo điều kiện có thể về thời gian, thiết bị, phòng thí nghiệm, nhà xưởng, để thực hiện dự án.
2. Lựa chọn các thành viên tham gia thực hiện dự án, ký hợp đồng với các thành viên và các cơ quan phối hợp thực hiện dự án.
3. Được yêu cầu cơ quan chủ trì tạo điều kiện thuận lợi trong việc sử dụng kinh phí đã được duyệt cấp cho dự án.
4. Được yêu cầu cơ quan chủ trì dự án làm các thủ tục để đánh giá nghiệm thu dự án sau khi giao nộp đủ hồ sơ.
5. Chủ nhiệm dự án và những người tham gia thực hiện dự án được hưởng quyền tác giả theo quy định hiện hành sau khi thực hiện việc đăng ký kết quả nghiên cứu với các cơ quan chức năng. Thời gian dành cho triển khai thực hiện dự án được tính vào thời gian nghiên cứu khoa học của các giảng viên tham gia thực hiện dự án.

Điều 28. Nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan chủ trì dự án

1. Có nhiệm vụ tổ chức quá trình xét chọn, triển khai, đánh giá nghiệm thu dự án.

2. Tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, thiết bị, phòng thí nghiệm, nhà xưởng, kinh phí để chủ nhiệm dự án thực hiện dự án.
3. Tiến hành kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất theo yêu cầu của cơ quan quản lý dự án về tiến độ triển khai dự án và báo cáo với cơ quan quản lý dự án.
4. Cơ quan chủ trì dự án kiểm tra tài chính và có quyền tạm dừng cấp kinh phí cho dự án khi xem xét thấy dự án không có khả năng thực hiện và báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo.
5. Trong trường hợp bất khả kháng (do biến động quá lớn của thị trường tiêu thụ hoặc điều kiện khách quan: thiên tai, hỏa hoạn ...) dẫn đến dự án không thể hoàn thành mục tiêu thì cơ quan chủ trì dự án phải có văn bản báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo (giải trình, đề xuất những giải pháp cụ thể).

Điều 29. Trách nhiệm và quyền hạn của cơ quan quản lý dự án

1. Trong trường hợp cần thiết Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp với các tổ chức có liên quan, định kỳ hoặc đột xuất tiến hành kiểm tra tình hình thực hiện các nội dung, tiến độ, sử dụng kinh phí và những vấn đề liên quan khác của dự án. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản (Mẫu 10 Phụ lục I) lưu hồ sơ. Căn cứ kết quả kiểm tra, Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét, điều chỉnh, bổ sung hoặc đình chỉ thực hiện dự án.
2. Trong trường hợp nhận được văn bản báo cáo giải trình của dự án không có khả năng thực hiện, không thể hoàn thành mục tiêu thì Bộ Giáo dục và Đào tạo căn cứ thực tế để xem xét điều chỉnh, bổ sung hoặc chấm dứt việc thực hiện dự án. Quá trình xem xét này không kéo dài quá 30 ngày kể từ ngày Bộ Giáo dục và Đào tạo nhận đủ hồ sơ.

Chương 5

KHEN THƯỞNG VÀ XỬ LÝ VI PHẠM

Điều 30. Khen thưởng

1. Tổ chức, cá nhân thực hiện các dự án đạt kết quả tốt, được ứng dụng vào sản xuất và đời sống, chuyển giao công nghệ cho các cơ sở sản xuất mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội cao được xem xét trình Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo khen thưởng.
2. Nguồn kinh phí khen thưởng được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 31. Xử lý vi phạm

1. Chủ nhiệm dự án không hoàn thành nhiệm vụ được giao theo hợp đồng thực hiện dự án mà không có lý do chính đáng thì phải bồi hoàn kinh phí được hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và sẽ không được đăng ký làm chủ nhiệm đề tài, dự án cấp Bộ ít nhất trong thời gian 3 năm.

2. Tổ chức, cá nhân vi phạm các quy định này, tùy tính chất và mức độ vi phạm, sẽ bị xử lý theo quy định hiện hành.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Văn Nhung

PHỤ LỤC 1

CÁC BIỂU MẪU QUẢN LÝ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ
(kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

- Mẫu 1. Phiếu đề xuất dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 2. Thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
 - Mẫu 2.1. Nhu cầu nguyên vật liệu
 - Mẫu 2.2. Nhu cầu điện, nước, xăng dầu
 - Mẫu 2.3a. Yêu cầu về thiết bị, máy móc (A. Thiết bị hiện có)
 - Mẫu 2.3b. Yêu cầu về thiết bị, máy móc (B. Thiết bị mới bổ sung, thuê thiết bị)
 - Mẫu 2.4. Chi phí hỗ trợ công nghệ
 - Mẫu 2.5. Đầu tư cơ sở hạ tầng
 - Mẫu 2.6. Chi phí lao động
 - Mẫu 2.7. Chi phí cho dự án
 - Mẫu 2.8. Kế hoạch tiến độ thực hiện
 - Mẫu 2.9. Khả năng chấp nhận của thị trường
 - Mẫu 2.10. Dự toán kinh phí dự án

- Mẫu 3. Tóm tắt lý lịch khoa học của chủ nhiệm dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 4. Giấy xác nhận phối hợp thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 5. Phiếu đánh giá xét chọn dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 6. Ý kiến nhận xét hồ sơ xét chọn dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 7. Biên bản họp Hội đồng KH&CN tư vấn xét chọn dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 8. Hợp đồng thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 9. Báo cáo định kỳ tình hình thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 10. Biên bản kiểm tra thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 11. Báo cáo tình hình quyết toán kinh phí hỗ trợ dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 12. Tóm tắt kết quả dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 13. Phiếu đánh giá cấp cơ sở dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 14. Biên bản họp Hội đồng đánh giá cấp cơ sở dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 15. Phiếu đánh giá nghiệm thu cấp Bộ dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 16. Nhận xét đánh giá kết quả dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 17. Biên bản họp Hội đồng đánh giá nghiệm thu cấp Bộ dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 18. Biên bản thanh lý Hợp đồng thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ
- Mẫu 19. Quyết định về việc ghi nhận kết quả đánh giá kết quả dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ.

Mẫu 1
PHIẾU ĐỀ XUẤT DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

PHIẾU ĐỀ XUẤT

DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ NĂM...

1. Tên dự án:

2. Xuất xứ của dự án: Nêu rõ một trong các nguồn sau:

- Kết quả đã được đánh giá nghiệm thu của đề tài KHCN cấp...
- Sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng KHCN...
- Kết quả KHCN từ nước ngoài (tên nước, tên cơ quan, tổ chức có kết quả KHCN ...)

3. Tính cấp thiết của dự án: (sự phù hợp với hướng công nghệ ưu tiên; tạo ra công nghệ và sản phẩm chuyên giao được cho sản xuất; ý nghĩa kinh tế - xã hội của dự án ...)

4. Mục tiêu của dự án:

5. Nội dung chủ yếu của dự án:

6. Sản phẩm và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu cần phải đạt được:

7. Thị trường tiêu thụ sản phẩm và địa chỉ áp dụng:

8. Nhu cầu kinh phí:

Tổng số:..... tr. Đồng, trong đó:

- Kinh phí của đơn vị chủ trì thực hiện dự án:tr. đồng

- Hỗ trợ từ ngân sách SNKH:tr. đồng

9. Kinh phí thu hồi (hoàn trả ngân sách SNKH):tr. đồng

(bằng% kinh phí hỗ trợ từ ngân sách SNKH)

Phương án thu hồi kinh phí:

Ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT DỰ ÁN

(Họ, tên và chữ ký – đóng dấu đối với trường hợp đề xuất của đơn vị)

Mẫu 2

THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

THUYẾT MINH DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM [\[1\]](#)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:

2. Mã số: (được cấp khi Hồ sơ trúng tuyển):

3. Thời gian thực hiện: tháng

(từ tháng.....năm 200.....đến tháng.....năm 200...)

4. Tổng vốn thực hiện dự án:..... triệu đồng,

Trong đó:

Nguồn	Kinh phí (triệu đồng)
- Từ Ngân sách sự nghiệp khoa học	
- Vốn tự có của tổ chức chủ trì	
- Khác (liên doanh....)	

5. Kinh phí thu hồi: (kinh phí thu hồi chỉ tính nguồn kinh phí từ NSNN hỗ trợ)

Kinh tế đề nghị thu hồi triệu đồng (.....% kinh phí hỗ trợ từ ngân sách sự nghiệp khoa học).

Đợt 1: triệu đồng sau khi kết thúc..... tháng,

Đợt 2:..... triệu đồng sau khi kết thúc..... tháng

6. Chủ nhiệm dự án (họ, tên):..... Năm sinh.....Nam/nữ.....

Học hàm:..... Học vị.....

Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....

Điện thoại: Cơ quan..... Nhà riêng: Di động:.....

Fax: Email.....

Địa chỉ nhà riêng:.....

7. Thư ký dự án (họ, tên):..... Năm sinh.....Nam/nữ.....

Học hàm:..... Học vị:.....

Chức danh khoa học:..... Chức vụ:.....

Điện thoại: Cơ quan:..... Nhà riêng:..... Di động:.....

Fax:..... Email:.....

Địa chỉ nhà riêng:.....

8. Cơ quan chủ trì dự án:.....

Tên cơ quan chủ trì dự án:.....

Điện thoại:..... Fax:.....

E-mail:..... Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng cơ quan:.....

Số tài khoản:.....

9. Cơ quan tham gia chính:

a) Tổ chức tham gia về công nghệ

Tên tổ chức chịu trách nhiệm về công nghệ:.....

Điện thoại:..... Fax:..... E-mail:.....

Website:..... Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

Người chịu trách nhiệm chính về công nghệ của dự án:.....

b) Tổ chức tham gia các công việc khác

Tên tổ chức:..... Điện
thoại:..... Fax:.....

E-mail:..... Website:.....

Địa chỉ:.....

Họ và tên thủ trưởng tổ chức:.....

10. Cán bộ thực hiện dự án: (Ghi những người dự kiến đóng góp khoa học chính thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện dự án, không quá 10 người kể cả chủ nhiệm dự án)

	Họ và tên	Tổ chức công tác	Nội dung công việc tham gia	Thời gian làm việc cho dự án (Số tháng quy đổi ^[2])
1				
2				
3				
:				

11. Xuất xứ

[Ghi rõ xuất xứ của dự án từ một trong các nguồn sau:

- Từ kết quả của đề tài nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D) đã được Hội đồng khoa học và công nghệ các cấp đánh giá nghiệm thu, kiến nghị (tên đề tài các cấp, mã số, ngày tháng năm đánh giá nghiệm thu; kèm theo Biên bản đánh giá nghiệm thu/Quyết định công nhận kết quả đánh giá nghiệm thu của cấp có thẩm quyền)

- Từ sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm khoa học được giải thưởng khoa học và công nghệ (tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp)

- Kết quả khoa học công nghệ từ nước ngoài (hợp đồng chuyển giao công nghệ; tên văn bằng, chứng chỉ, ngày cấp nếu có; nguồn gốc, xuất xứ, hồ sơ liên quan)]

12. Luận cứ về tính cấp thiết, khả thi và hiệu quả của dự án

12.1. Làm rõ về công nghệ lựa chọn của dự án (Tính mới, ưu việt, tiên tiến của công nghệ; trình độ công nghệ so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, khả năng triển khai công nghệ trong nước, tính phù hợp của công nghệ đối với phương án sản xuất yêu cầu của thị trường,.....)

12.2. Lợi ích kinh tế, khả năng thị trường và cạnh tranh của sản phẩm dự án (Hiệu quả kinh tế mang lại khi áp dụng kết quả dự án; khả năng mở rộng thị trường ở trong nước và xuất khẩu: nêu rõ các yếu tố chủ yếu làm tăng khả năng cạnh tranh về chất lượng, giá thành của sản phẩm dự án so với các sản phẩm cùng loại, chẳng hạn: sử dụng nguồn nguyên liệu trong nước, giá nhân công rẻ, phí vận chuyển thấp,.....)

.....

12.3. Tác động của kết quả dự án đến kinh tế - xã hội, an ninh, quốc phòng (Tác động của sản phẩm dự án đến phát triển KT – XH, môi trường, khả năng tạo thêm việc làm, ngành nghề mới, ảnh hưởng đến sức khỏe con người, đảm bảo an ninh, quốc phòng ...)

12.4. Năng lực thực hiện dự án (Mức độ cam kết và năng lực thực hiện của các tổ chức tham gia chính trong dự án: năng lực khoa học, công nghệ của người thực hiện và cơ sở vật chất – kỹ thuật, các cam kết bằng hợp đồng về mức đóng góp vốn, sử dụng cơ sở vật chất kỹ thuật, lao động, bao tiêu sản phẩm, phân chia lợi ích về khai thác quyền sở hữu trí tuệ, chia sẻ rủi ro).....

12.5. Khả năng ứng dụng, chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án (Nêu rõ phương án về tổ chức sản xuất; nhân rộng, chuyển giao công nghệ; thành lập doanh nghiệp mới để sản xuất – kinh doanh,...)

II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG ÁN TRIỂN KHAI DỰ ÁN

13. Mục tiêu

13.1. Mục tiêu của dự án sản xuất^[3] hoặc chuyển giao công nghệ đặt ra (Chất lượng sản phẩm; quy mô sản xuất);

13.2. Mục tiêu của dự án sản xuất thử nghiệm (Trình độ công nghệ, quy mô sản phẩm).....

14. Nội dung

14.1. Mô tả công nghệ, sơ đồ hoặc quy trình công nghệ (là xuất xứ của dự án) để triển khai trong dự án

14.2. Phân tích những vấn đề mà dự án giải quyết về công nghệ (Hiện trạng của công nghệ và việc hoàn thiện, thử nghiệm tạo ra công nghệ mới nắm vững, làm chủ quy trình công nghệ và các thông số kỹ thuật; ổn định chất lượng sản phẩm, chủng loại sản phẩm; nâng cao khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm để khẳng định công nghệ và quy mô của dự án sản xuất thử nghiệm);

14.3. Liệt kê và mô tả nội dung, các bước công việc cần thực hiện để giải quyết những vấn đề đặt ra, kể cả đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật đáp ứng cho việc thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm

15. Phương án triển khai

15.1. Phương án tổ chức sản xuất thử nghiệm:

a) Phương án tổ chức thực hiện:

- Đối với đơn vị chủ trì là doanh nghiệp: cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; phương án liên doanh, phối hợp với các tổ chức KH&CN trong việc phát triển, hoàn thiện công nghệ;

- Đối với đơn vị chủ trì là tổ chức khoa học và công nghệ: Cần làm rõ năng lực triển khai thực nghiệm và hoàn thiện công nghệ theo mục tiêu trong dự án; việc liên doanh với doanh nghiệp để tổ chức sản xuất thử nghiệm (kế hoạch/phương án của doanh nghiệp về bố trí địa điểm, điều kiện cơ sở vật chất, đóng góp về vốn, về nhân lực, về khả năng tiêu thụ sản phẩm của dự án phục vụ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, phương thức phân chia lợi nhuận;

b) Mô tả, phân tích và đánh giá các điều kiện triển khai dự án:

- Địa điểm thực hiện dự án (nêu địa chỉ cụ thể, nêu thuận lợi và hạn chế về cơ sở hạ tầng như giao thông, liên lạc, điện nước của địa bàn triển khai dự án); nhà xưởng, mặt bằng hiện có (m^2), dự kiến cải tạo, mở rộng, ...;

- Trang thiết bị chủ yếu đảm bảo cho triển khai dự án sản xuất thử nghiệm (làm rõ những trang thiết bị đã có, bao gồm cả liên doanh với các đơn vị tham gia, trang thiết bị cần thuê, mua hoặc tự thiết kế chế tạo; khả năng cung ứng trang thiết bị của thị trường cho dự án;...);

- Nguyên vật liệu (khả năng cung ứng nguyên vật liệu chủ yếu cho quá trình sản xuất thử nghiệm, làm rõ những nguyên vật liệu cần nhập của nước ngoài;

- Nhân lực cần cho triển khai dự án: số cán bộ KHCN và công nhân lành nghề tham gia thực hiện dự án; kế hoạch tổ chức nhân lực tham gia dự án; nhu cầu đào tạo phục vụ dự án (số lượng cán bộ, kỹ thuật viên, công nhân).

- Môi trường (đánh giá tác động môi trường do việc triển khai dự án và giải pháp khắc phục);

.....

15.2. Phương án tài chính (Phân tích và tính toán tài chính của quá trình thực hiện dự án) trên cơ sở:

- Tổng vốn đầu tư để triển khai dự án, trong đó nêu rõ vốn cố định, vốn lưu động cho một khối lượng sản phẩm cần thiết trong một chu kỳ sản xuất thử nghiệm để có thể tiêu thụ và tái sản xuất cho đợt sản xuất thử nghiệm tiếp theo (trong trường hợp cần thiết);

- Phương án huy động và sử dụng các nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước tham gia dự án (kèm theo các văn bản pháp lý minh chứng cho việc huy động các nguồn vốn: báo cáo tài chính của

doanh nghiệp trong 2 – 3 năm gần nhất; cam kết cho vay vốn hoặc bảo lãnh vay vốn của ngân hàng; cam kết pháp lý về việc đóng góp vốn của các tổ chức tham gia dự án, ...);

- Phương án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách Nhà nước (các nội dung chi bằng nguồn vốn này).

- Tính toán, phân tích giá thành sản phẩm của dự án (theo từng loại sản phẩm của dự án nếu có); thời gian thu hồi vốn.

Các số liệu cụ thể của phương án tài chính được trình bày tại các bảng 1-3 và các mẫu 2.1. – 2.7.)

15.3. Dự báo nhu cầu thị trường và phương án kinh doanh sản phẩm của dự án (Giải trình và làm rõ thêm các bảng tính toán và phụ lục kèm theo bảng 3, mẫu 2.9.);

- Dự báo nhu cầu thị trường (dự báo nhu cầu chung và thống kê danh mục các đơn đặt hàng hoặc hợp đồng mua sản phẩm dự án);

- Phương án tiếp thị sản phẩm của dự án (tuyên truyền, quảng cáo, xây dựng trang web, tham gia hội chợ triển lãm, trình diễn công nghệ, tờ rơi,...);

- Phân tích giá thành, giá bán dự kiến của sản phẩm trong thời gian sản xuất thử nghiệm; giá bán khi ổn định sản xuất (so sánh với giá sản phẩm nhập khẩu, giá thị trường trong nước hiện tại, dự báo xu thế giá sản phẩm cho những năm tới); các phương thức hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm dự án;

- Phương án tổ chức mạng lưới phân phối sản phẩm khi phát triển sản xuất quy mô công nghiệp

.....
.....

16. Sản phẩm của dự án

[Phân tích, làm rõ các thông số và so sánh với các sản phẩm cùng loại trong nước và của nước ngoài: (i) Dây chuyền công nghệ, các thiết bị, quy trình công nghệ đã được ổn định (quy mô, các thông số và tiêu chuẩn kỹ thuật); (ii) Sản phẩm đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng; (iii) Ấn phẩm; (iv) Đào tạo cán bộ; (v) Sản phẩm sản xuất thử nghiệm (chủng loại, khối lượng, tiêu chuẩn chất lượng)]

.....

17. Phương án phát triển của dự án sau khi kết thúc

17.1. Phương thức triển khai [Mô tả rõ phương án triển khai lựa chọn trong các loại hình sau đây: (i) Đưa vào sản xuất công nghiệp của doanh nghiệp; (ii) Nhân rộng, chuyển giao kết quả của Dự án; (iii) Liên doanh, liên kết; (iv) Thành lập doanh nghiệp khoa học và công nghệ mới để tiến hành sản xuất – kinh doanh; (v) Hình thức khác: Nêu rõ]

.....

2	Các nguồn vốn khác - Vốn tự có của cơ sở - Khác (vốn huy động, ...)							
Cộng:								

* Chỉ dự toán khi dự án được duyệt.

Bảng 2. Tổng chi phí và giá thành sản phẩm

(Trong thời gian thực hiện dự án)

TT	Nội dung	Tổng số chi phí (1000 đ)	Trong đó theo sản phẩm			Ghi chú
			4	5	6	
1	2	3	4	5	6	7
A	Chi phí trực tiếp					
1	Nguyên vật liệu, bao bì					Mẫu 2.1.
2	Điện, nước, xăng dầu					Mẫu 2.2.
3	Chi phí lao động					Mẫu 2.6.
4	Sửa chữa, bảo trì thiết bị					Mẫu 2.7.
5	Chi phí quản lý					Mẫu 2.7.
B	Chi phí gián tiếp và khấu hao tài sản cố định					
6	Khấu hao thiết bị cho dự án - Khấu hao thiết bị cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Mẫu 2.3a Mẫu 2.3b
7	Khấu hao nhà xưởng cho dự án - Khấu hao nhà xưởng cũ - Khấu hao nhà xưởng mới					Mẫu 2.5.
8	Thuê thiết bị					Mẫu 2.3b

9	Thuê nhà xưởng					Mẫu 2.5.
10	Phân bổ chi phí hỗ trợ công nghệ					Mẫu 2.4.
11	Tiếp thị, quảng cáo					Mẫu 2.7.
12	Khác (trả lãi vay, các loại phí, ...)					Mẫu 2.7.
- Tổng chi phí sản xuất thử nghiệm (A + B):						
- Giá thành 1 đơn vị sản phẩm:						

Ghi chú:

- Khấu hao thiết bị và tài sản cố định: tính theo quy hoạch của Nhà nước đối với từng loại thiết bị của từng ngành kinh tế tương ứng.

- Chi phí hỗ trợ công nghệ: được phân bổ cho thời gian thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm và 01 năm đầu sản xuất ổn định (tối đa không quá 3 năm).

Bảng 3. Tổng doanh thu

(Cho thời gian thực hiện dự án)

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị	Số lượng	Giá bán dự kiến (1000 đ)	Thành tiền (1000 đ)
1	2	3	4	5	6
1					
2					
:					
Cộng:					

19. Hiệu quả kinh tế - xã hội

(Tiết kiệm nguyên nhiên vật liệu, năng lượng, giảm giá thành và tăng sức cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa, giảm nhập khẩu, tạo công ăn việc làm, bảo vệ môi trường)

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

.....

..... ngày... tháng... năm 200 ...

... ngày ... tháng ... năm 200 ...

CƠ QUAN CHỦ TRÌ DỰ ÁN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

(Ký tên, đóng dấu)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

... ngày ... tháng ... năm 200 ...

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

Đối với các dự án thuộc Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng

..... ngày... tháng... năm 200

..... ngày... tháng... năm 200

... ngày ... tháng ... năm 200

...

...

...

CƠ QUAN CHỦ TRÌ

CƠ QUAN THỰC HIỆN

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và
tên)

(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và
tên)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

... ngày ... tháng ... năm 200 ...

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC – CÔNG NGHỆ

Mẫu 2.1
NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH						
							Tổng số	Trong đó, khoán chi theo Thông tư 93*	Năm thứ nhất*	Trong đó khoán chi theo Thông tư 93*	Năm thứ hai*	Trong đó, khoán chi theo Thông tư 93*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Nguyên vật liệu chủ yếu											
2		Nguyên vật liệu phụ											
3		Dụng cụ, phụ tùng, vật rẻ tiền mau hỏng											
Cộng:													

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)

Mẫu 2.2
NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG DẦU

NHU CẦU ĐIỆN, NƯỚC, XĂNG, DẦU

(Để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH						
							Tổng số	Trong đó, khoản chi theo quy định *	Năm thứ nhất*	Trong đó khoản chi theo quy định*	Năm thứ hai*	Trong đó, khoản chi theo quy định*	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Về điện:	kW/h										
		- Điện sản xuất:											
		Tổng công suất thiết bị, máy móc ... kW/h											
2		Về nước:	m ³										
3		Về xăng dầu:	Tấn										
		- Cho thiết bị sản xuất ... tấn											
		- Cho phương tiện vận tải ... tấn											
		Cộng:											

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt (theo Thông tư số 93/2006/TTLT-BTC-BKHCN)

Mẫu 2.3a
YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ MÁY MÓC (THIẾT BỊ HIỆN CÓ)

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

Đơn vị: triệu đồng

A. THIẾT BỊ HIỆN CÓ (TÍNH GIÁ TRỊ CÒN LẠI)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
I	Thiết bị công nghệ				
1					
2					
3					
4					
II	Thiết bị thử nghiệm, đo lường				
1					
2					
3					
4					
Cộng:					

Mẫu 2.3b
YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ MÁY MÓC (THIẾT BỊ MỚI BỔ SUNG, THUÊ THIẾT BỊ)

YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ, MÁY MÓC

B. THIẾT BỊ MỚI BỔ SUNG, THUÊ THIẾT BỊ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH				Tự có	khác	
							Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Mua thiết bị công nghệ											
2		Mua thiết bị thử nghiệm, đo lường											
3		Mua bằng sáng chế, bản quyền											
4		Mua phần mềm máy tính											
5		Vận chuyển lắp đặt											
6		Thuê thiết bị (nêu các thiết bị cần thuê, giá thuê và chỉ ghi vào cột 7 để tính vốn lưu động)											
						Cộng:							

Chú ý: Ngân sách Nhà nước chỉ hỗ trợ mua nguyên chiếc thiết bị, máy móc

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

Mẫu 2.4
CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

CHI PHÍ HỖ TRỢ CÔNG NGHỆ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Chi phí	Nguồn vốn						
				Ngân sách SNKH				Tự có	khác	
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	
A		Chi phí hỗ trợ cho các hạng mục công nghệ (kể cả công nghệ nhập)								
1		- Hoàn thiện, nắm vững và làm chủ quy trình công nghệ								
2		- Hoàn thiện các thông số về kỹ thuật								
3		- Ổn định các thông số và chất lượng nguyên vật liệu đầu vào								
4		- Ổn định chất lượng sản phẩm; về khối lượng sản phẩm cần sản xuất thử nghiệm								
5									
B		Chi phí đào tạo công nghệ								
1		- Cán bộ công nghệ								
2		- Công nhân vận hành								
3									
		Cộng								

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

Mẫu 2.5
ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

ĐẦU TƯ CƠ SỞ HẠ TẦNG

Đơn vị: triệu đồng

A. NHÀ XƯỞNG ĐÃ CÓ (GIÁ TRỊ CÒN LẠI)

TT	Nội dung	Đơn vị đo	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					
	Cộng A:				

B. NHÀ XƯỞNG XÂY DỰNG MỚI VÀ CẢI TẠO

Đơn vị: triệu đồng

TT	Mục chi	Nội dung	Kinh phí	Nguồn vốn					
				Ngân sách SNKH				Tự có	khác
				Tổng số	Năm thứ nhất*	Năm thứ hai*	Năm thứ ba*		
1		Xây dựng nhà xưởng mới							
2		Chi phí sửa chữa cải tạo							
3		Chi phí lắp đặt hệ thống điện							
4		Chi phí lắp đặt hệ thống nước							
5		Chi phí khác							
		Cộng B:							

* Chỉ dự toán khi dự án được phê duyệt

Mẫu 2.6
CHI PHÍ LAO ĐỘNG

CHI PHÍ LAO ĐỘNG

(để sản xuất khối lượng sản phẩm cần thiết có thể tiêu thụ và tái sản xuất đợt tiếp theo)

Đơn vị: triệu đồng

T T	Mục chi	Nội dung	Số người	Số tháng	Chi phí tr.đ/người/thá ng	Thành tiền	Nguồn vốn						
							Ngân sách SNKH				T ự có	Khá c	
							Tổn g số	Năm thứ nhất *	Nă m thứ hai*	Nă m thứ ba*			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	
1		Chủ nhiệ m Dự án											
2		Kỹ sư											
3		Nhân viên kỹ thuật											
4		Công nhân											
		Cộng											

Mẫu 2.7
CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

CHI KHÁC CHO DỰ ÁN

Mẫu 2.9
KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN THỊ TRƯỜNG

VỀ KHẢ NĂNG CHẤP NHẬN CỦA THỊ TRƯỜNG

I. NHU CẦU THỊ TRƯỜNG

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng có thể tiêu thụ trong năm			Chú thích
			200...	200...	200...	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						

II. PHƯƠNG ÁN SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng sản xuất trong năm			Tổng số	Cơ sở tiêu thụ
			200...	200...	200...		
1	2	3	4	5	6	7	8
1							
2							

III. DANH MỤC CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng			Ghi chú
			Cần đạt	Tương tự mẫu		
				Trong nước	Thế giới	
1	2	3	4	5	6	7
1						
2						

5	Nguyên vật liệu năng lượng												
6	Thuê thiết bị, nhà xưởng												
7	Chi khác												
	Tổng cộng:												

* Chi dự toán khi dự án được phê duyệt

Mẫu 3

**TÓM TẮT LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CHỦ NHIỆM DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM
CẤP BỘ**

**TÓM TẮT LÝ LỊCH KHOA HỌC CỦA CHỦ NHIỆM DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ
NGHIỆM CẤP BỘ**

1. Họ và tên

2. Ngày tháng năm sinh: Nam, nữ:

3. Đơn vị công tác hiện nay:

4. Chức danh, học vị:

5. Chuyên môn, nghiệp vụ:

6. Chức vụ:

7. Điện thoại: Fax: Email:

8. Các đề tài, dự án đã chủ trì, tham gia (trong 5 năm gần đây) liên quan đến dự án

TT	Tên đề tài/dự án	Cơ quan chủ trì	Năm bắt đầu - Năm kết thúc
	I. Đã chủ trì		
1			
2			
:			
	II. Đã tham gia		
1			
2			
:			

9. Các hợp đồng KH&CN đã chủ trì (trong 5 năm gần đây) liên quan đến dự án

TT	Nội dung hợp đồng	Tổng kinh phí thực	Năm bắt đầu - kết	Quy mô và địa chỉ
----	-------------------	--------------------	-------------------	-------------------

		hiện hợp đồng	thúc	áp dụng
1				
2				
:				

10. Giấy chứng nhận của các bộ/ngành hoặc đăng ký bản quyền về các kết quả nghiên cứu, ứng dụng, giải thưởng về KH&CN:

....., ngày.....tháng.....năm.....

CƠ QUAN - NƠI LÀM VIỆC

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

CỦA CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

(Họ tên và chữ ký)

(Xác nhận và đóng dấu)

Mẫu 4

GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY XÁC NHẬN PHỐI HỢP THỰC HIỆN[4]

DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Tên dự án sản xuất thử nghiệm:

Thuộc lĩnh vực KH&CN:

2. Đơn vị chủ trì dự án SXTN

- Tên đơn vị chủ trì dự án SXTN

- Họ và tên, học vị, chức vụ của chủ nhiệm dự án SXTN

3. Tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện dự án SXTN

- Tên tổ chức đăng ký phối hợp thực hiện dự án SXTN

Địa chỉ..... Điện thoại.....

Nội dung công việc tham gia trong đề tài (và kinh phí tương ứng) của tổ chức phối hợp nghiên cứu đã được thể hiện trong bản Thuyết minh dự án SXTN của Hồ sơ đăng ký xét chọn gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Chúng tôi cam đoan sẽ hoàn thành những thủ tục pháp lý do Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về nghĩa vụ và quyền lợi của mỗi bên để thực hiện tốt nhất và đúng thời hạn mục tiêu, nội dung và sản phẩm của dự án SXTN.

....., ngày.....tháng.....năm.....

CÁ NHÂN ĐĂNG KÝ CHỦ NHIỆM

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ
CHỦ TRÌ

DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

(Họ, tên và chữ ký)

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

THỦ TRƯỞNG TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ PHỐI HỢP THỰC HIỆN

ĐỀ TÀI, DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM

(Họ, tên, chữ ký và đóng dấu)

Mẫu 5

PHIẾU ĐÁNH GIÁ XÉT CHỌN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO

TẠO

PHIẾU ĐÁNH GIÁ

XÉT CHỌN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

1. Tên dự án SXTN:
2. Tên đơn vị chủ trì thực hiện dự án SXTN:
3. Họ và tên Chuyên gia/Thành viên Hội đồng đánh giá:
4. Các chỉ tiêu đánh giá

Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá của chuyên gia
I. Giá trị công nghệ của dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ vào mục 12.1, 13.1, 13.2, 14.1 và 14.2, 16 của Thuyết minh dự án)	<u>20</u>	
1. Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ là xuất xứ	5	
2. Trình độ công nghệ chủ yếu của dự án (các chỉ tiêu KT-KT, chỉ tiêu bảo vệ môi trường...) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	5	
3. Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường...) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước	5	
4. Tính hợp lý của quy mô dự án		
II. Tính khả thi của phương án triển khai dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 15 của Thuyết minh dự án)	<u>20</u>	
5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	5	
6. Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	5	
7. Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính	5	
8. Khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi (đầy đủ, đúng hạn...)	5	
III. Đầu tư và lợi ích trực tiếp của dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 18, 12.2 và 12.3 của Thuyết minh dự án)	<u>20</u>	
9. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	5	
10. Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện dự án	5	
11. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện dự án	5	
12. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ...)	5	

IV. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của dự án sau khi kết thúc (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 12.5 và mục 15.3 của Thuyết minh dự án)	<u>20</u>	
13. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của dự án	5	
14. Tính cụ thể và khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án	5	
15. Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án (giá thành, chất lượng...)	5	
16. Khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án tự tổ chức SX-KD, thành lập doanh nghiệp KHCN	5	
V. Năng lực thực hiện dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 12.4, 15 và phần III của Thuyết minh dự án và các bản Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính dự án)	<u>20</u>	
17. Năng lực, uy tín về nghiên cứu KH&CN và kinh nghiệm, năng lực tổ chức, quản lý của cá nhân chủ trì dự án	5	
18. Năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia)	5	
19. Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực...)	5	
20. Đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh dự án	5	
Tổng cộng	100	

5. Khuyến nghị của Chuyên gia/Thành viên Hội đồng về những điểm cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh dự án - cả về nội dung và kinh phí (nếu có)

CHUYÊN GIA/THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu 6

Ý KIẾN NHẬN XÉT HỒ SƠ XÉT CHỌN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO

TẠO

Ý KIẾN NHẬN XÉT

HỒ SƠ XÉT CHỌN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

Chuyên gia/ủy viên phản biện:	
Ủy viên Hội đồng:	

1. Họ và tên chuyên gia đánh giá:

2. Tên dự án:

3. Tên tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì dự án:

Tên tổ chức:

Họ và tên cá nhân:

4. Các chỉ tiêu đánh giá - nhận xét

Tiêu chí đánh giá	Điểm dự kiến của chuyên gia
I. Giá trị công nghệ của dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ vào mục 12, 13.1, 13.2, 14.1 và 14.2, 17 của Thuyết minh dự án)	
1. Mức độ hoàn thiện, cải tiến công nghệ của dự án so với công nghệ là xuất xứ	
2. Trình độ công nghệ chủ yếu của dự án (các chỉ tiêu KT-KT, chỉ tiêu bảo vệ môi trường...) so với công nghệ tương tự trong nước và ngoài nước	
3. Mức độ tiên tiến của sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án (tiêu chuẩn chất lượng, vệ sinh môi trường...) so sánh với sản phẩm tương tự trong nước và ở ngoài nước	
4. Tính hợp lý của quy mô dự án	
II. Tính khả thi của phương án triển khai dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ mục 15 của Thuyết minh dự án)	

5. Tính hợp lý, khả thi của phương án tổ chức thực hiện	
6. Khả năng hợp tác, liên kết giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	
7. Tính hợp lý, đầy đủ, xác thực của phương án tài chính	
8. Khả năng hoàn trả kinh phí thu hồi (đầy đủ, đúng hạn...)	
III. Đầu tư và lợi ích trực tiếp của dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ phần III, các mục 18, 12.2 và 12.3 của Thuyết minh dự án)	
9. Tính hợp lý của tổng vốn đầu tư thực hiện dự án so với kết quả dự kiến tạo ra	
10. Tính khả thi của phương án huy động các nguồn vốn ngoài ngân sách sự nghiệp khoa học để thực hiện dự án	
11. Mức độ xác thực của kinh phí đề nghị hỗ trợ từ ngân sách so với kết quả và mục đích đầu tư, tính hợp lý của việc phân bổ các khoản chi tương ứng để thực hiện dự án	
12. Lợi ích trực tiếp dự kiến mang lại (kinh tế, việc làm, đào tạo cán bộ...)	
IV. Khả năng thương mại hóa sản phẩm và tác động lâu dài của dự án sau khi kết thúc (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ vào các mục 12.5 và mục 15.3 của Thuyết minh dự án)	
13. Tính xác thực của dự báo nhu cầu, đánh giá khả năng cung ứng trên thị trường đối với sản phẩm tạo ra của dự án	
14. Tính cụ thể và khả thi của phương án tiêu thụ sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án	
15. Khả năng cạnh tranh của công nghệ, sản phẩm tạo ra bằng công nghệ của dự án (giá thành, chất lượng...)	
16. Khả năng chuyển giao, nhân rộng kết quả của dự án, tự tổ chức SX-KD, thành lập doanh nghiệp KHCN	
V. Năng lực thực hiện dự án (Các chuyên gia đánh giá tiêu chí này căn cứ các mục 12.4, 15 và phần III của Thuyết minh dự án và các bản Lý lịch khoa học của các cá nhân thực hiện chính dự án)	
17. Năng lực, uy tín về nghiên cứu KH&CN và kinh nghiệm, năng lực tổ chức, quản lý của cá nhân chủ trì dự án	
18. Năng lực của các cá nhân tham gia chính thực hiện Dự án (trình độ, kinh nghiệm, thời gian thực tế có thể tham gia)	

19. Điều kiện và năng lực của cơ quan chủ trì và các tổ chức phối hợp chính (khả năng huy động cơ sở vật chất, nhân lực...)	
20. Đánh giá chung về tính hợp lý, cân đối và khả thi của toàn bộ nội dung của Thuyết minh dự án	
Tổng cộng	

5. Nhận xét, đánh giá tổng hợp chung về dự án

5.1. Mặt mạnh của dự án:

5.2. Mặt yếu của dự án:

5.3. Các kiến nghị

CHUYÊN GIA

(Họ, tên và chữ ký)

Mẫu 7

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KH&CN XÉT CHỌN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày....tháng....năm.....

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG KH&CN TƯ VẤN XÉT CHỌN

DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

1. Tên dự án:

2. Tên chủ nhiệm dự án

3. Cơ quan chủ trì dự án:

4. Quyết định thành lập hội đồng:...../QĐ-BGDĐT ngày....tháng.....năm.....

5. Địa điểm:

6. Thời gian họp hội đồng:.....ngày.....tháng.....năm.....

7. Thành viên của hội đồng:

Tổng số:.....Có mặt trên tổng số thành viên:.....

Vắng mặt:.....người, gồm các thành viên:

.....

.....

8. Khách mời dự họp hội đồng:

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác

9. Tổng số phiếu đánh giá:.....Tổng số điểm:.....

Điểm trung bình:

10. Kết luận và kiến nghị của Hội đồng:

- Hội đồng đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét phê duyệt (không phê duyệt)

- Hội đồng kiến nghị những nội dung cần bổ sung sửa đổi hoàn thiện dự án (trong trường hợp dự án được hội đồng đề nghị xét chọn)

+ Về những nội dung cần bổ sung, sửa đổi trong Thuyết minh dự án SXTN

+ Những sản phẩm chính và chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu tương ứng phải đạt

+ Về kinh phí cho việc thực hiện dự án SXTN

+ Về những điểm cần lưu ý khác trong quá trình hoàn thiện Hồ sơ của tổ chức và cá nhân được kiến nghị trúng tuyển

*Ghi chú: Xếp loại (theo điểm trung bình cuối cùng): 65/100 điểm trở lên và trong đó điểm trung bình của từng tiêu chí không dưới 3 điểm (và được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm từ 3 trở lên mới thuộc dự án được xét phê duyệt).

THƯ KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mẫu 8

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../20...../HDDAB

....., ngày....tháng....năm.....

HỢP ĐỒNG

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ

- Căn cứ Bộ Luật dân sự ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Luật khoa học và công nghệ ngày 09 tháng 6 năm 2000;
- Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 quy định chi tiết một số điều của Luật khoa học và công nghệ;
- Căn cứ Thông tư liên tịch số 85/2004/TTLT-BTC-BKHCN ngày 20/8/2004 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án khoa học và công nghệ được ngân sách nhà nước hỗ trợ và có thu hồi kinh phí;
- Căn cứ Quyết định số 59/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về việc quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Căn cứ Quyết định số...../QĐ-BGDĐT ngày..... của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc phê duyệt dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ.

Chúng tôi gồm:

1. Bên giao (bên A) là: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Do Ông (Bà):.....

Chức vụ:..... làm đại diện

Địa chỉ: 49 Đại Cồ Việt, Hà Nội

ĐT: 8692393

Fax: 8694905

2. Bên nhận (bên B) là:.....

Do Ông (Bà):.....

Chức vụ:..... làm đại diện

Địa chỉ: ĐT: FAX:.....

Số tài khoản:.....

Tại ngân hàng:.....

Và Chủ nhiệm dự án

- Ông/Bà:.....

- Địa chỉ: ; Tel: Fax:.....

Cùng thỏa thuận và thống nhất ký hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (sau đây gọi tắt là hợp đồng) với các điều khoản sau:

Điều 1. Giao và nhận thực hiện dự án

1. Bên A giao cho Bên B thực hiện dự án “...” theo các nội dung trong Thuyết minh dự án.

Thuyết minh dự án... và các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo là bộ phận của Hợp đồng.

- Thời gian thực hiện dự án là... tháng, từ tháng....năm 200....đến tháng...năm 200...

- Tổng kinh phí cần thiết để thực hiện dự án là:...đồng (bằng chữ:...). Trong đó:

+ Kinh phí ngân sách nhà nước hỗ trợ để thực hiện dự án do Bên A cấp là:... đồng (bằng chữ:...)

+ Kinh phí từ các nguồn khác là:... đồng (bằng chữ:...)

- Kinh phí thu hồi là:... đồng (bằng chữ:....) (bằng...% kinh phí hỗ trợ để thực hiện dự án)

2. Bên B nhận thực hiện dự án trên theo đúng nội dung yêu cầu được quy định trong Hợp đồng này.

Điều 2. Quyền và nghĩa vụ của các bên

1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A:

a. Duyệt thuyết minh dự án và tiến hành kiểm tra tình hình Bên B thực hiện dự án theo các nội dung trong các Phụ lục 3, 4 kèm theo Hợp đồng;

b. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện dự án của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh Dự án, các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo Hợp đồng; thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;

c. Cấp cho Bên B số kinh phí quy định tại khoản 1 Điều 1 theo tiến độ từng năm, được thể hiện trong các Phụ lục 3, 4 của Hợp đồng; theo dõi, đôn đốc việc Bên B nộp kinh phí thu hồi theo tiến độ quy định tại điểm k, khoản 2 của Điều này;

d. Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện dự án của Bên B, Bên A xem xét và xác nhận khối lượng công việc đạt được phù hợp với kinh phí đã sử dụng và theo tiến độ thực hiện nêu trong Thuyết minh dự án và các Phụ lục 3, 4 của Hợp đồng. Bên A có quyền kiến nghị thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí (nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ);

e. Tham gia ý kiến với Bên B về kế hoạch đấu thầu, mua sắm trang bị, thiết bị của dự án bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

f. Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong Hợp đồng;

g. Đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng trong trường hợp Bên B vi phạm một trong các điều kiện:

- Không đảm bảo các điều kiện cần thiết trong Thuyết minh dự án để thực hiện Hợp đồng, dẫn đến dự án không có khả năng hoàn thành;

- Không đủ khả năng thực hiện Hợp đồng;

- Thực hiện không đúng nội dung nghiên cứu trong Thuyết minh dự án dẫn đến kết quả của dự án có thể không đáp ứng được mục tiêu đã được phê duyệt theo Thuyết minh dự án;

- Sử dụng kinh phí không đúng mục đích.

h. Theo quyết định của Bộ Giáo dục và Đào tạo thực hiện việc ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả của dự án (nếu có) theo quy định hiện hành.

2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B:

a. Đứng tên trong dự án và hưởng các lợi ích thu được (nếu có) do việc khai thác thương mại các kết quả của dự án theo quy định hiện hành;

b. Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và tiến độ trong Hợp đồng khi cần thiết. Đơn phương chấm dứt Hợp đồng khi Bên A vi phạm một trong các điều kiện mà vi phạm đó đã dẫn đến việc dự án không thể tiếp tục thực hiện được: không cấp đủ kinh phí cam

kết hỗ trợ cho Bên B để thực hiện dự án mà không có lý do chính đáng; không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B;

c. Đảm bảo điều kiện cần thiết và tổ chức triển khai đầy đủ các nội dung của dự án đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và chỉ tiêu trong Thuyết minh dự án, các Phụ lục 1, 2, 3, 4 kèm theo Hợp đồng;

d. Xây dựng kế hoạch đấu thầu, mua sắm trang bị, thiết bị của dự án bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có) để trình cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và thực hiện mua sắm trang bị, thiết bị theo quy định;

e. Chấp hành các quy định của pháp luật và những yêu cầu của cơ quan quản lý trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, thanh tra đối với dự án theo quy định;

f. Sử dụng kinh phí hỗ trợ đúng mục đích, đúng chế độ và có hiệu quả;

g. Báo cáo định kỳ 10 tháng một lần (Mẫu 9 Phụ lục I) và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện dự án, báo cáo quyết toán hoặc tình hình sử dụng số kinh phí đã nhận trước khi nhận kinh phí của đợt tiếp theo;

h. Thực hiện việc đánh giá cấp cơ sở theo quy định hiện hành khi kết thúc dự án. Sau khi đánh giá cấp cơ sở, Bên B có trách nhiệm chuyển cho Bên A các tài liệu, mẫu sản phẩm nêu trong Thuyết minh dự án và các Phụ lục 1, 2 kèm theo Hợp đồng, báo cáo quyết toán và tổng số kinh phí đã chi cho dự án và toàn bộ hồ sơ đã được hoàn chỉnh trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá cấp cơ sở để Bên A tiến hành tổ chức đánh giá và nghiệm thu cấp Bộ theo quy định hiện hành;

i. Đảm bảo khai thác, giao nộp, chuyển giao kết quả của dự án theo quy định hiện hành;

k. Nộp vào ngân sách nhà nước khoản kinh phí thu hồi bằng...% kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án do Bên A cấp (cụ thể là... đồng, bằng chữ...) theo tiến độ sau:

Số TT	Tháng/năm	Đợt	Kinh phí (triệu đồng)	Ghi chú
1				
2				

Trường hợp nộp chậm so với tiến độ quy định thì khoản kinh phí thu hồi nộp chậm sẽ tính lãi suất (theo lãi suất tiết kiệm không kỳ hạn của Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm nộp chậm), nhưng kinh phí thu hồi đợt cuối cùng không được nộp chậm quá 03 tháng kể từ ngày cuối cùng của tháng phải nộp kinh phí thu hồi đợt cuối theo quy định.

l. Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, thực hiện việc đăng ký theo ủy quyền của Bên A (nếu có) đối với kết quả. Công bố, sử dụng, chuyển giao kết quả theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

m. Thực hiện đăng ký kết quả của dự án (nếu có) tại Trung tâm Thông tin Khoa học và Công nghệ Quốc gia theo quy định;

n. Phân định trách nhiệm của đơn vị chủ trì thực hiện dự án và chủ nhiệm dự án:

- Cơ quan chủ trì thực hiện dự án chịu trách nhiệm thực hiện các điểm c, d, k của khoản 2, Điều 2.

- Chủ nhiệm dự án chịu trách nhiệm thực hiện các điểm f của khoản 2, Điều 2.

- Cơ quan chủ trì dự án và chủ nhiệm dự án cùng chịu trách nhiệm thực hiện các điểm a, b, e, g, h, i, l của khoản 2, Điều 2.

Điều 3. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng

Khi chấm dứt Hợp đồng, việc xử lý về tài chính được thực hiện như sau:

1. Đối với dự án đã kết thúc:

a. Khi dự án đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu đạt yêu cầu thì Bên A tắt toán kinh phí hỗ trợ cho Bên B theo quy định hiện hành;

b. Khi dự án đã kết thúc, nhưng nghiệm thu không đạt yêu cầu thì Bên A xem xét quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận về trách nhiệm và xác định những công việc Bên B đã thực hiện của Hội đồng đánh giá nghiệm thu hoặc theo đánh giá của tổ chức tư vấn/chuyên gia độc lập do Bên A yêu cầu;

c. Khi dự án đã kết thúc, nghiệm thu đạt yêu cầu và đã quyết toán kinh phí hỗ trợ mà Bên B nộp kinh phí thu hồi đợt cuối cùng chậm quá 03 tháng kể từ ngày cuối cùng của tháng phải nộp kinh phí thu hồi đợt cuối theo quy định, thì Bên B phải chịu phạt số tiền bằng 20% tổng số kinh phí Bên A cấp hỗ trợ để thực hiện dự án.

2. Đối với dự án không hoàn thành:

a. Dự án không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc đã triển khai phù hợp với kinh phí đã sử dụng để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành về quản lý tài chính;

b. Trường hợp dự án không hoàn thành do một bên đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng:

- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên B thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp hỗ trợ để thực hiện dự án;
- Nếu Bên A đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên B thì Bên B không phải bồi thường kinh phí thực hiện dự án, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật;
- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng do lỗi của Bên A thì Bên B không phải bồi thường kinh phí Bên A cấp hỗ trợ để thực hiện dự án, nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật;
- Nếu Bên B đơn phương chấm dứt thực hiện Hợp đồng không do lỗi của Bên A thì Bên B phải bồi thường 100% kinh phí Bên A đã cấp hỗ trợ để thực hiện dự án.

c. Trường hợp có căn cứ để khẳng định không còn nhu cầu thực hiện dự án:

- Nếu hai bên thống nhất chấm dứt Hợp đồng thì cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí hỗ trợ do Bên A đã cấp;
- Nếu hai bên thỏa thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả đã thực hiện của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

Điều 4. Điều khoản chung

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 15 ngày (mười lăm ngày) trước khi tiến hành việc sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, để cùng xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Các sửa đổi, bổ sung (nếu có) phải lập thành văn bản có đầy đủ chữ ký các bên và được coi là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả dự án.
2. Trong trường hợp do sự kiện bất khả kháng khiến một trong hai bên không thể thực hiện tiếp hoặc thực hiện không đúng nội dung Hợp đồng, hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.
3. Hai bên có trách nhiệm bảo mật kết quả của dự án theo quy định về bí mật nhà nước.
4. Hai bên cam kết thực hiện đúng Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện.

Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hòa giải để giải quyết. Trường hợp không hòa giải được thì có thể thỏa thuận đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết. Trường hợp không có thỏa thuận giải quyết tại Trọng tài thì một trong hai bên có quyền khởi kiện tại Tòa án theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Điều 5. Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày..... Hợp đồng gồm trang được lập thành 8 bản bằng tiếng Việt và có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 4 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN B

CƠ QUAN CHỦ TRÌ

(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

(ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

Đối với các dự án thuộc Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng

ĐẠI DIỆN BÊN B

CƠ QUAN CHỦ TRÌ

(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)

CƠ QUAN THỰC HIỆN

(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

ĐẠI DIỆN BÊN A

TL. BỘ TRƯỞNG

VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ

CÁC PHỤ LỤC KÈM THEO

Hợp đồng số:...../200.../HD-DAB

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
DẠNG KẾT QUẢ III, IV

TT	Tên tài liệu	Số lượng	Ghi chú
1			

2			
...			

Ghi chú:

Dạng kết quả III:

- Sơ đồ, bản đồ;
- Số liệu, cơ sở dữ liệu;
- Báo cáo phân tích;
- Tài liệu dự báo (phương pháp, quy trình, mô hình...)
- Đề án, quy hoạch;
- Luận chứng kinh tế - kỹ thuật, báo cáo nghiên cứu khả thi;
- Các loại khác.

Dạng kết quả IV:

- Bài báo;
- Sách chuyên khảo;
- Kết quả tham gia đào tạo sau đại học;
- Sản phẩm đăng ký sở hữu trí tuệ;
- Các loại khác.

PHỤ LỤC 2

DANH MỤC SẢN PHẨM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ DẠNG KẾT QUẢ I, II

TT	Tên sản phẩm	Số lượng	Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật	Ghi chú
1				
2				
...				

Ghi chú:

Dạng kết quả I:

Dạng kết quả II:

- Mẫu (model, maket);
 - Sản phẩm (có thể trở thành hàng hóa để thương mại hóa);
 - Vật liệu;
 - Thiết bị, máy móc;
 - Dây chuyền, công nghệ;
 - Giống cây trồng;
 - Giống vật nuôi;
 - Các loại khác.
- Nguyên lý ứng dụng;
 - Phương pháp;
 - Tiêu chuẩn;
 - Quy phạm;
 - Phần mềm máy tính;
 - Bản vẽ thiết kế;
 - Quy trình công nghệ;
 - Các loại khác.

PHỤ LỤC 3

NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ DỰ ÁN

TT	Các nội dung, công việc cụ thể	Sản phẩm phải đạt	Tiến độ hoàn thành			
			Năm 200..	Năm 200..	Năm 200..	Năm 200..
1	Nội dung A					
2						
3						
...						

Ghi chú: Nội dung công việc, sản phẩm phải đạt cần bám sát bảng tiến độ công việc của Thuyết minh đề tài (dự án) phân theo các sản phẩm trung gian để xác nhận khối lượng công việc và quyết toán kinh phí hàng năm.

PHỤ LỤC 4

DỰ TOÁN KINH PHÍ THEO NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ

TT	Các nội dung chi	Mục chi	Ngân sách nhà nước			Nguồn khác
			Tổng	Năm	Năm	

			số	200..	200..	200..	
1	Nội dung A						
	-						
	-						
2	Nội dung B						
	-						
	-						
3	Nội dung C						
	-						
	-						
...							

Mẫu 9

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm 200...

BÁO CÁO ĐỊNH KỲ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ
(10 tháng 1 lần, tính từ khi thực hiện dự án)

1. Tên dự án:
2. Ngày báo cáo: .../.../200..
3. Cơ quan chủ trì dự án:
4. Chủ nhiệm dự án (Học vị, chức danh, họ và tên)
5. Thời gian thực hiện: ...tháng từ .../ .../200.. đến .../ .../200..
6. Tổng kinh phí thực hiện:..... triệu đồng

7. Công việc chính đã được thực hiện tính từ ngày .../.../200.. đến kỳ báo cáo

8. Số lượng (cộng lũy kế)* sản phẩm khoa học và công nghệ (kết quả KH-CN) cụ thể đã hoàn thành đến ngày báo cáo.

9. Số lượng (cộng lũy kế)* sản phẩm khoa học và công nghệ (kết quả KH-CN) cụ thể đã hoàn thành đến ngày báo cáo

Bảng 1

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng			
			Kế hoạch theo HD	Thực hiện		
				Trước kỳ báo cáo	Trong kỳ báo cáo	Tổng số
1	2	3	4	5	6	7

10. Số lượng sản phẩm đã được sử dụng hoặc tiêu thụ và doanh thu bán sản phẩm (nếu có)

Bảng 2

TT	Tên sản phẩm	Đơn vị đo	Số lượng	Doanh thu, tr.đ	Đơn vị sử dụng

* Ghi chú: Cộng lũy kế các kỳ báo cáo trước.

11. Chất lượng, yêu cầu kỹ thuật đối với sản phẩm trong kỳ báo cáo

Bảng 3

TT	Tên sản phẩm và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu	Đơn vị đo	Mức chất lượng	
			Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	4	5

12. Nhận xét và đánh giá kết quả đạt được (trong thời gian liên quan đến báo cáo)

a. Về số lượng.....

b. Về chất lượng.....

c. Về tiến độ thực hiện.....

d. Về các nội dung khác.....

13. Tình hình sử dụng kinh phí để thực hiện dự án tính đến kỳ báo cáo (tr. Đồng)

Bảng 4

TT	Thời gian sử dụng	Tổng số tiền đã sử dụng	Trong đó				
			Thuê khoán chuyên môn	Nguyên vật liệu, năng lượng	Thiết bị, máy móc	Xây dựng nhỏ, sửa chữa	Khác
1	2	3	4	5	6	7	8
	Tổng kinh phí (a và b)						
	Trong đó:						
	a. Ngân sách SNKH						
	- Tính đến kỳ báo cáo						
	- Trong kỳ báo cáo						
	Cộng						
	b. Các nguồn vốn khác						

14. Kinh phí đã được cấp và sử dụng tính đến kỳ báo cáo

Tổng kinh phí đã được cấp: triệu đồng

Tổng kinh phí đã sử dụng: triệu đồng

Số kinh phí đã quyết toán: triệu đồng

15. Những vấn đề tồn tại cần giải quyết

16. Dự kiến những công việc cần triển khai tiếp trong thời gian tới

17. Kết luận và kiến nghị

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN CHỦ TRÌ DỰ ÁN

(Họ tên, chữ ký)

(Họ tên, chữ ký, đóng dấu)

Đối với các dự án thuộc Đại học Thái Nguyên, Đại học Huế, Đại học Đà Nẵng

CHỦ NHIỆM DỰ ÁN

(Ký, ghi rõ họ và tên)

CƠ QUAN THỰC HIỆN

(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)

CƠ QUAN CHỦ TRÌ

(Dấu, chữ ký, ghi rõ họ và tên)

Mẫu 10

BIÊN BẢN KIỂM TRA THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO

TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200...

BIÊN BẢN KIỂM TRA

THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

1. Đơn vị được kiểm tra: Trường Đại học
2. Tên dự án:....., mã số.....
3. Thời gian thực hiện của dự án: 24 tháng từ.../200... đến.../200...
4. Tổng kinh phí sự nghiệp KH&CN hỗ trợ dự án:..... triệu đồng
5. Chủ nhiệm dự án:.....
6. Ngày tháng năm kiểm tra:
7. Địa điểm kiểm tra:
8. Thành phần đoàn kiểm tra:

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Ghi chú
1			Trưởng đoàn

2			
3			

9. Đại diện cơ quan được kiểm tra:

TT	Họ và tên	Cơ quan công tác	Ghi chú
1			Trưởng đoàn
2			
3			

10. Đoàn kiểm tra tình hình thực hiện dự án, kết quả như sau:

* Tiến độ thực hiện dự án:

* Nội dung công việc đã triển khai:

.....

* Số lượng sản phẩm của dự án (kết quả) cụ thể đã hoàn thành đến ngày kiểm tra

TT	Tên sản phẩm	Địa chỉ triển khai dự án	Đơn vị đo	Số lượng	
				Kế hoạch theo hợp đồng	Thực hiện đến thời điểm BC
1					
2					
3					

* Kinh phí

Kinh phí đã được cấp đến thời điểm kiểm tra:..... triệu đồng

Kinh phí đã sử dụng:..... triệu đồng

Kinh phí đề nghị quyết toán:..... triệu đồng

11. Những vấn đề tồn tại cần giải quyết

.....

6. Tổng số kinh phí được duyệt:

7. Số được duyệt kỳ này:

TT	Nội dung	Mã số	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi khởi đầu
I	Số kinh phí kỳ trước chuyển sang	01			
II	Số kinh phí thực nhận	02			
III	Số kinh phí được sử dụng	03			
IV	Số kinh phí đã sử dụng	04			
V	Số kinh phí đã thu hồi	05			
VI	Số kinh phí đề nghị quyết toán	06			
VII	Số kinh phí chuyển sang kỳ sau (03-04-05)	07			

8. Chi tiết các khoản chi:

Mục	Tiểu mục	Nội dung chi	Mã số	Kỳ này	Lũy kế từ đầu năm	Lũy kế từ khi khởi đầu
A	B	C	D	1	2	3
Cộng						

Tổng số chi dự án đề nghị quyết toán:

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ TRÁCH KẾ TOÁN
(Ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu 12

TÓM TẮT KẾT QUẢ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

TÓM TẮT KẾT QUẢ

DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

1. Tên dự án:

2. Mã số:

3. Chủ nhiệm dự án: Tel: E-mail:
4. Cơ quan chủ trì dự án:
5. Cơ quan và cá nhân phối hợp thực hiện:
6. Thời gian thực hiện:
7. Mục tiêu:
8. Nội dung chính:
9. Kết quả chính đạt được:
10. Hiệu quả: (kinh tế, xã hội, khoa học, ứng dụng, đào tạo, v.v...)

Mẫu số 13

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đơn vị:.....

PHIẾU ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ

DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

1. Họ tên thành viên hội đồng:
2. Cơ quan công tác và địa chỉ liên hệ:
3. Tên dự án, mã số:
4. Họ tên chủ nhiệm dự án:
5. Cơ quan chủ trì dự án:
6. Ngày họp:
7. Địa điểm:

8. Quyết định thành lập hội đồng (số, ngày, tháng, năm):

9. Nội dung đánh giá của thành viên hội đồng:

9.1. Nhận xét về mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản, các yêu cầu khoa học của kết quả dự án

a. Về số lượng, chủng loại, khối lượng của các sản phẩm của dự án:

b. Phương pháp triển khai dự án, mức độ hoàn chỉnh của các báo cáo và tài liệu công nghệ (báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt, tài liệu công nghệ, bản vẽ thiết kế...):

9.2. Nhận xét về giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KHCN.

a. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của sản phẩm dự án cao hơn sản phẩm tương tự, được cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích:

b. Hiệu quả kinh tế - xã hội (sản phẩm được đưa vào sản xuất hoặc chuyển giao công nghệ, doanh thu lớn gấp 2 lần hoặc tạo ra lợi nhuận...):

9.3. Nhận xét về tổ chức quản lý, huy động vốn, kết quả đào tạo và đóng góp khác của dự án.

10. Không hoặc đã vi phạm một trong các điểm quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đánh dấu vào dòng tương ứng)

* Không vi phạm

* Đã vi phạm:

- Không hoàn thành khối lượng công việc cơ bản, không có giá trị ứng dụng:

- Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực:

- Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung nghiên cứu:

11. Ý kiến và kiến nghị khác:

12. Đánh giá chung về kết quả nghiên cứu (đánh dấu vào dòng tương ứng)

- Đạt:

- Không đạt:

Ngày..... tháng..... năm
(ký tên)

Mẫu 14
BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM
CẤP BỘ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đơn vị:.....

BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ CẤP CƠ SỞ

DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

1. Tên dự án, mã số:
2. Chủ nhiệm dự án:
3. Cơ quan chủ trì dự án:
4. Quyết định thành lập hội đồng:
5. Ngày họp: ngày... tháng... năm...
6. Địa điểm:
7. Thành viên hội đồng:
Tổng số:
Có mặt:
Vắng mặt:
8. Khách mời dự:
9. Kết luận của hội đồng:

9.1. Kết quả bỏ phiếu đánh giá:

- Số phiếu đánh giá ở mức “Đạt”:
- Số phiếu đánh giá ở mức “Không đạt”:
- Đánh giá chung: Đạt Không đạt

9.2. Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản, các yêu cầu khoa học của kết quả dự án

a. Số lượng, chủng loại, khối lượng của các sản phẩm của dự án:

b. Phương pháp triển khai dự án, mức độ hoàn chỉnh của các báo cáo và tài liệu công nghệ (báo cáo tổng kết, báo cáo tóm tắt, tài liệu công nghệ, bản vẽ thiết kế...):

9.3. Nhận xét về giá trị ứng dụng, mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KHCN

a. Chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật của sản phẩm dự án cao hơn sản phẩm tương tự, được cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích:

b. Hiệu quả kinh tế - xã hội (sản phẩm được đưa vào sản xuất hoặc chuyển giao công nghệ, doanh thu lớn gấp 2 lần hoặc tạo ra lợi nhuận...):

9.4. Nhận xét về tổ chức quản lý, huy động vốn, kết quả đào tạo và đóng góp khác của dự án.

10. Không hoặc đã vi phạm một trong các điểm quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Quy định về quản lý dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ của Bộ Giáo dục và Đào tạo (đánh dấu vào dòng tương ứng)

* Không vi phạm

* Đã vi phạm:

- Không hoàn thành khối lượng công việc cơ bản, không có giá trị ứng dụng:

- Hồ sơ, tài liệu, số liệu cung cấp không trung thực:

- Tự ý sửa đổi mục tiêu, nội dung nghiên cứu:

11. Những nội dung không phù hợp với thuyết minh dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ (chỉ sử dụng cho những trường hợp được đánh giá ở mức “Không đạt”)

12. Ý kiến của hội đồng về những tồn tại và hướng giải quyết (Bắt buộc phải ghi)

13. Ý kiến khác:

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 15

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CẤP BỘ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

PHIẾU ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CẤP BỘ
DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

- Họ tên thành viên hội đồng:
- Cơ quan công tác và địa chỉ liên hệ:
- Tên dự án, mã số:
- Họ tên chủ nhiệm dự án:
- Cơ quan chủ trì dự án:
- Ngày họp:
- Địa điểm:
- Quyết định thành lập hội đồng (số, ngày, tháng, năm):
- Ý kiến đánh giá của thành viên hội đồng:

TT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm đánh giá
1	Thời gian và tiến độ thực hiện dự án	10	
2	Kết quả thực hiện dự án theo yêu cầu của hợp đồng - Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng	35	

	của các sản phẩm của dự án:	18		
	- Phương pháp triển khai dự án, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ:	17		
3	Giá trị ứng dụng mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KHCN		30	
	- Chỉ tiêu KTKT của sản phẩm tương đương hoặc cao hơn sản phẩm tương tự:	7,5		
	- Đã được cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích:	7,5		
	- Hiệu quả KT-XH (Sản phẩm được đưa vào SX hoặc CGCN, doanh thu ít nhất lớp gấp 3 lần, hoặc tạo ra lợi nhuận...):	15		
4	Giá trị khoa học của kết quả dự án (Tính mới, tính sáng tạo, tình hình công bố kết quả của dự án v.v...)		10	
5	Đánh giá về tổ chức quản lý, huy động vốn, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của dự án:		15	
	- Đánh giá về huy động nguồn vốn khác cho thực hiện dự án:	5		
	- Đánh giá về tổ chức và quản lý của dự án:	5		
	- Đánh giá về kết quả đào tạo và những đóng góp khác của dự án:	5		
	Cộng		100	

Ghi chú: Nội dung 1 về thời gian và tiến độ thực hiện dự án đạt tối đa 10 điểm nếu hồ sơ đánh giá nộp đúng với thời hạn trong Hợp đồng thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ, 0 điểm nếu quá thời hạn trên 12 tháng.

10. Kết luận thành viên hội đồng về việc xếp loại dự án

(Đánh dấu x vào ô tương ứng phù hợp)

a. Đạt: Không vi phạm một trong các điểm a, b, c và d Khoản 2 Điều 17 của bản quy định và phải đạt 50 điểm trở lên, chia các mức sau:

Mức A: Từ 80 – 100 điểm, trong đó điểm tối đa ờ

10/10 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 1 và đạt điểm tối đa

30/30 điểm đối với nhóm chỉ tiêu 3.

Mức B: Từ 60 điểm đến dưới 80 điểm: ờ

Mức C: Từ 50 điểm đến dưới 60 điểm: ờ

b. Không đạt: Dưới 50 điểm hoặc vi phạm một trong các điểm a, b, c và đ khoản 2 Điều 17.

11. Ý kiến nhận xét của thành viên hội đồng về:

- Kết quả của dự án.

- Những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết.

Ngày.... tháng... năm...
(Ký tên)

Mẫu 16

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm...

NHẬN XÉT ĐÁNH GIÁ

KẾT QUẢ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

1. Tên dự án SXTN:

Mã số:

2. Chủ nhiệm dự án:

3. Cơ quan chủ trì dự án:

4. Tên chuyên gia đánh giá:

5. Cơ quan công tác và địa chỉ liên hệ:

6. Nhận xét theo các chỉ tiêu đánh giá:

6.1. Thời gian và tiến độ thực hiện dự án SXTN theo yêu cầu của Hợp đồng (được đánh giá tối đa 10 điểm).

6.2. Kết quả thực hiện dự án SXTN theo yêu cầu của Hợp đồng (được đánh giá tối đa 35 điểm).

TT	Chỉ tiêu đánh giá	Điểm tối đa	Ý kiến của Chuyên gia
1	2	3	4
2	Tính đầy đủ về số lượng, về chủng loại, về khối lượng của các sản phẩm của dự án:	18	
3	Phương pháp triển khai dự án, báo cáo khoa học, tài liệu công nghệ	17	

6.3. Giá trị ứng dụng mức độ hoàn thiện của công nghệ và triển vọng áp dụng kết quả KHCN (được đánh giá tối đa 30 điểm)

1	2	3	4
1	Chỉ tiêu KTKT của sản phẩm tương đương hoặc cao hơn sản phẩm tương tự	7,5	
2	Đã được cấp bằng sáng chế, giải pháp hữu ích		
3	Hiệu quả KT-XH (Sản phẩm được đưa vào SX hoặc CGCN, doanh thu ít nhất lớn gấp 3 lần tổng kinh phí thực hiện Dự án SXTN, hoặc tạo ra lợi nhuận...)	7,5 15	

6.4. Giá trị khoa học của các kết quả KHCN của dự án SXTN (được đánh giá tối đa 10 điểm): (Tính mới, tính sáng tạo, tình hình công bố kết quả của dự án v.v...)

6.5. Đánh giá về tổ chức quản lý, huy động vốn, kết quả đào tạo và những đóng góp khác của dự án (được đánh giá tối đa 15 điểm)

1	2	3	4
1	Đánh giá về huy động nguồn vốn khác cho thực hiện dự án	5	
2	Đánh giá về tổ chức và quản lý của dự án	5	
3	Đánh giá về kết quả đào tạo và những đóng góp khác	5	

	của dự án		
	Tổng số điểm	<u>100</u>	

Ghi chú: Nội dung 1 về thời gian và tiến độ thực hiện dự án đạt tối đa 10 điểm nếu hồ sơ đánh giá nộp đúng với thời hạn trong Hợp đồng thực hiện dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ; 0 điểm nếu quá thời hạn trên 12 tháng.

7. Ý kiến nhận xét của chuyên gia về:

- Kết quả của dự án
- Những tồn tại và đề xuất hướng hoặc biện pháp giải quyết.

Ngày.... tháng... năm...
(Ký tên)

Mẫu 17

BIÊN BẢN HỢP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CẤP BỘ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm...

BIÊN BẢN HỢP HỘI ĐỒNG ĐÁNH GIÁ NGHIỆM THU CẤP BỘ

DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

1. Tên dự án, mã số:
2. Chủ nhiệm dự án:
3. Cơ quan chủ trì dự án:
4. Quyết định thành lập hội đồng:
5. Ngày họp:

6. Địa điểm:

7. Thành viên của hội đồng

Tổng số:

Có mặt:

Vắng mặt:

8. Khách mời dự:

9. Tổng số phiếu đánh giá điểm:..... Tổng số điểm:.....

Điểm trung bình ban đầu

10. Số phiếu đánh giá hợp lệ:..... Tổng số điểm hợp lệ:.....

11. Điểm trung bình cuối cùng

12. Kết luận chung của hội đồng (theo 5 nội dung đánh giá):

13. Xếp loại:

14. Kiến nghị của hội đồng (nếu có):

* Ghi chú:

- Xếp loại (theo điểm trung bình cuối cùng): Đạt: Không vi phạm một trong các điểm a, b, c và đ Khoản 2 Điều 17 và phải đạt 50 điểm trở lên, chia các mức sau: Tốt: 80 – 100 điểm; Khá: 60 – dưới 80 điểm; Đạt: 50 – dưới 60 điểm; Không đạt: Dưới 50 điểm hoặc vi phạm một trong các điểm a, b, c và đ khoản 2 Điều 17.

- Điểm của thành viên hội đồng chênh lệch > 20 điểm so với điểm trung bình ban đầu coi là điểm không hợp lệ và không được tính vào tổng số điểm hợp lệ.

XÁC NHẬN CỦA CƠ
QUAN CHỦ QUẢN
TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ KHOA
HỌC – CÔNG NGHỆ

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký, ghi rõ họ tên)

THƯ KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu 18

BIÊN BẢN THANH LÝ HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP
BỘ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

....., ngày.... tháng.... năm 200...

BIÊN BẢN THANH LÝ

HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

1. Tên dự án:
2. Mã số:
3. Tên cơ quan chủ trì thực hiện dự án:
4. Tên chủ nhiệm dự án:
5. Theo hợp đồng số:.....
6. Đã được Hội đồng KH&CN cấp Bộ thành lập theo quyết định số..../QĐ-GDDT ngày
..../..../200... của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, họp ngày..../...../200... tại.....,
đánh giá nghiệm thu đạt loại:
7. Đại diện bên A:
-
-
8. Đại diện bên B:
-
-
9. Đại diện cơ quan quản lý nhà nước:
10. Tình hình sử dụng kinh phí của dự án:
- Kinh phí SNKH đã được cấp:
- Số kinh phí đã quyết toán:
11. Kinh phí thu hồi nộp ngân sách:

- Số kinh phí phải nộp theo hợp đồng:

- Số kinh phí đã nộp:

- Số kinh phí còn phải nộp và thời hạn nộp:

12. Tài sản mua sắm, tạo ra bằng kinh phí thực hiện dự án đã ghi trong hợp đồng:

Tổng số tính bằng tiền:

13. Căn cứ báo cáo kiểm kê, đánh giá lại tài sản ngày...../...../200....:

Giá trị còn lại của tài sản thuộc dự án:

Bên A nhất trí giao cho bên B tiếp tục quản lý và sử dụng số tài sản của dự án theo giá trị còn lại nêu trên theo chế độ hiện hành.

14. Các bên nhất trí thanh lý hợp đồng số..... ngày..../...../200....

Biên bản được ghi thành 6 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 3 bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN A

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN QUẢN
LÝ

Mẫu 19

QUYẾT ĐỊNH GHI NHẬN KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO
TẠO**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm 200...

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC GHI NHẬN KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17/10/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật khoa học và công nghệ;

Căn cứ nghị định của Chính phủ số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Hội đồng KH&CN tư vấn đánh giá nghiệm thu dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ được thành lập kèm theo Quyết định số.../QĐ-BGDĐT ngày.../.../200... của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Khoa học – Công nghệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ghi nhận kết quả đánh giá kết quả dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ “..... tên dự án.....”,

Chủ nhiệm dự án:

Cơ quan chủ trì dự án:

Đã được đánh giá và kết luận ở mức (để lại những nội dung thích hợp):

- (Đối với dự án nộp Hồ sơ đánh giá đúng hạn):

“Đạt” (A, B, C) hoặc

“Không đạt”.

- (Đối với dự án nộp Hồ sơ đánh giá không đúng hạn):

“Không đạt” về tổ chức thực hiện do dự án nộp Hồ sơ đánh giá chậm so với thời điểm kết thúc Hợp đồng..... tháng mà không có ý kiến chấp thuận của Bộ Giáo dục và Đào tạo và “Đạt” (A, B, C) về nội dung khoa học và công nghệ, hoặc

“Không đạt”.

Điều 2. (để lại những nội dung thích hợp)

(đối với dự án được kết luận ở mức “Đạt”; dự án được kết luận ở mức “Đạt” về nội dung khoa học và công nghệ và “Không đạt” về tổ chức thực hiện): Dự án được thực hiện việc quyết toán và thanh lý Hợp đồng sau khi báo cáo kết quả nghiên cứu đã giao nộp cho Trung tâm Thông tin KH&CN Quốc gia, đồng thời, các sản phẩm của dự án và tài sản đã mua sắm (nếu có) bằng kinh phí thực hiện dự án đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành. Việc công bố và sử dụng kết quả đã tạo ra của dự án được thực hiện theo các quy định hiện hành.

(đối với dự án được kết luận ở mức “Không đạt”) dự án được thực hiện việc quyết toán và thanh lý Hợp đồng sau khi Bộ KH&CN xác định số kinh phí được quyết toán của dự án; đồng thời, các

sản phẩm của dự án và tài sản đã mua sắm bằng kinh phí thực hiện dự án đã được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Khoa học – Công nghệ, cơ quan chủ trì, chủ nhiệm dự án và các Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, KHCN.

BỘ TRƯỞNG

PHỤ LỤC 2

HƯỚNG DẪN BÁO CÁO TỔNG KẾT VÀ BÁO CÁO TÓM TẮT DỰ ÁN SẢN XUẤT THỬ NGHIỆM CẤP BỘ

(Kèm theo Quyết định số 59/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

1. Báo cáo tổng kết dự án và báo cáo tóm tắt dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ là tài liệu mô tả quá trình và kết quả của dự án đã hoàn thành, là cơ sở để Hội đồng đánh giá và nghiệm thu kết quả của dự án. Báo cáo tổng kết dự án và báo cáo tóm tắt dự án phải phản ánh đầy đủ nội dung, kết quả của dự án. Các báo cáo phải đóng thành quyển.

2. Hình thức của báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt dự án

Báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt dự án khổ A4 (210x297mm), cỡ chữ 14;

3. Cấu trúc của báo cáo tổng kết và báo cáo tóm tắt dự án

Báo cáo tổng kết dự án được trình bày theo trình tự sau đây:

3.1. Trang bìa trước gồm các nội dung sau: Bộ Giáo dục và Đào tạo; tên cơ quan chủ trì dự án; tên dự án, mã số; học vị, chức danh họ và tên chủ nhiệm dự án; địa danh và thời gian lập báo cáo; ghi chú về bản quyền nếu cần thiết.

3.2. Chữ ký của chủ nhiệm dự án và xác nhận của thủ trưởng cơ quan chủ trì dự án.

3.3. Danh sách những người tham gia thực hiện dự án (họ tên, chức vụ, học vị và chức danh), và đơn vị phối hợp chính.

3.4. Tóm tắt kết quả của dự án theo Mẫu 11 Phụ lục I kèm theo quyết định này.

3.5. Mục lục.

3.6. Lời mở đầu: (Tính cấp thiết, mục đích của dự án, cách tiếp cận, phương pháp, nội dung...).

3.7. Các kết quả đạt được của dự án:

a. Ghi rõ nội dung đã thực hiện của dự án, những hạng mục chủ yếu đã được tiến hành, trong đó trình bày đầy đủ quá trình hoàn thiện công nghệ hoặc quá trình hoàn thiện quy trình sản xuất hoặc thích nghi/làm chủ/hợp lý hóa công nghệ và (hoặc) thử nghiệm đã tiến hành;

b. Đối với công việc sản xuất thử:

- Nêu luận cứ cần thiết của thử nghiệm đã tiến hành; nêu rõ những tiêu chuẩn thử nghiệm và đánh giá; giới thiệu những sản phẩm thử nghiệm đã được sử dụng trong quá trình thực hiện dự án; các số liệu thu được và kết quả kiểm tra, đo đạc, thử nghiệm;

- Nhận xét và đánh giá những kết quả thử nghiệm thu được và đưa ra kết luận cho từng phần triển khai: đánh giá độ tin cậy (các đặc trưng, thông số, chỉ tiêu chất lượng) và so sánh với mẫu tương tự trong và ngoài nước; đánh giá tính ổn định công nghệ và sơ bộ tính toán hiệu quả so với phương án nhập công nghệ; đánh giá kết quả đào tạo;

c. Đánh giá đầy đủ kết quả thu được so với thuyết minh dự án;

3.8. Kết luận và kiến nghị:

- Trong phần kết luận cần trình bày ngắn gọn kết quả dự án và rút ra kết luận một cách rõ ràng.

- Trong phần kiến nghị phải đề xuất việc sử dụng và áp dụng các kết quả của dự án, đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật do sử dụng kết quả mang lại, chỉ ra giá trị do các kết quả dự án đã được tạo ra về KH&CN, kinh tế, xã hội và các kiến nghị khác.

3.9. Lời cảm ơn: Có thể viết lời cảm ơn đối với tổ chức và cá nhân đã giúp đỡ thiết thực và hiệu quả trong quá trình thực hiện dự án.

3.10. Tài liệu tham khảo (họ và tên tác giả/nhan đề/các yếu tố về xuất bản và được xếp theo thứ tự abc).

3.11. Phụ lục: Phụ lục được sử dụng bao gồm các tài liệu cần thiết để làm sáng tỏ và hoàn chỉnh báo cáo; có giá trị đối với chuyên gia trong lĩnh vực của dự án:

- Bản sao hợp đồng, thuyết minh dự án đã được phê duyệt;

- Các báo cáo định kỳ, biên bản kiểm tra định kỳ;

- Quy trình công nghệ, quy trình sản xuất...;

- Bản sao văn bằng – chứng chỉ về sáng chế, sản phẩm khoa học được giải thưởng KH&CN, hội thi sáng tạo, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, giống cây, con;

- Các tài liệu khác: hợp đồng tiêu thụ sản phẩm; hợp đồng chuyển giao công nghệ; biên bản đánh giá chất lượng sản phẩm của cơ sở sử dụng sản phẩm của dự án; báo cáo chuyên đề...

Báo cáo tóm tắt là báo cáo tóm tắt lại báo cáo tổng kết dự án, về cơ bản báo cáo được trình bày tương tự như báo cáo chính theo thứ tự từ mục 3.1 đến mục 3.7. Khối lượng của báo cáo tóm tắt thông thường khoảng 15 – 20 trang và tối đa không vượt quá 30 trang.

[1] Thuyết minh được trình bày và in trên khổ giấy A4. Dưới đây dự án sản xuất thử nghiệm được gọi tắt là dự án.

[2] Một (01) tháng quy đổi là tháng gồm 22 ngày làm việc x 8 tiếng.

[3] Dự án sản xuất và phương án triển khai sau khi dự án sản xuất thử nghiệm kết thúc

[4] Giấy xác nhận được trình bày và in ra trên khổ giấy A4